BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN TƯ DUY

ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

HÀ NỘI – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN TƯ DUY

ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

Mã số : 8340404

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:TS. DOÃN THỊ MAI HƯƠNG

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Nguyễn Tư Duy

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT V
DANH MỤC BẢNG BIỂU VI
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu 3
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 4
5. Về phương pháp nghiên cứu 4
6. Những đóng góp mới của luận văn 5
7. Kết cấu của Luận văn 5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN 6
1.1. Một số khái niệm cơ bản 6
1.1.1. Lao động nông thôn 7
1.1.2. Nghề 9
1.1.3. Đào tạo nghề 10
1.1.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 11
1.2. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn 11
1.2.1. Đặc điểm của lao động nông thôn 11
1.2.2. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn 14
1.3. Nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn 15
1.3.1. Xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn 15
1.3.2. Xác định mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn 17
1.3.3. Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn 18
1.3.4. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn 19

1.3.5. Lựa chọn hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn 21
1.3.6. Chuẩn bị tài chính, cơ sở vật chất và giáo viên đào tạo nghề 25
1.3.7. Thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn 27
1.3.8. Đánh giá kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn 28
1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn .. 31
1.4.1. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn 31
1.4.2. Các chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn ... 32
1.4.3. Nhận thức của xã hội về đào tạo nghề 33
1.4.4. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của địa phương 33
1.5. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn và bài học kinh nghiệm rút ra cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình..... 34
1.5.1. Kinh nghiệm của một số địa phương 34
1.5.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình 36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH 39
2.1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Hòa Bình có ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn..... 39
2.1.1. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý 39
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội 41
2.1.3. Một số vấn đề xã hội tỉnh Hòa Bình 42
2.2.Thực trạngđào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình..... 44
2.2.1. Thực trạng xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn 44
2.2.2. Thực trạng xác định mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn ... 46
2.2.3. Thực trạng lựa chọn đối tượng đào tạo nghề 47

2.2.4. Thực trạng xây dựng nội dung chương trình đào tạo..... 48
2.2.5. Thực trạng lựa chọn hình thức đào tạo nghề..... 50
2.2.6. Thực trạng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy nghề..... 52
2.2.7. Thực trạng nguồn kinh phí đào tạo nghề 54
2.2.8. Thực trạng đánh giá kết quả đào tạo nghề 57
2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hòa Bình 66
2.3.1. Thực trạng cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn 66
2.3.2. Thực trạng chính sách của nhà nước và địa phương..... 69
2.3.3. Thực trạng nhận thức của xã hội về đào tạo nghề 72
2.3.4. Thực trạng tốc độ đô thị hóa 75
2.4. Đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình 77
2.4.1. Ưu điểm..... 77
2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân 78
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH 80
3.1. Các quan điểm, định hướng, mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình 80
3.1.1. Dự báo về xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2020 - 2025..... 80
3.1.2. Quan điểm về đào tạo nghề cho lao động nông thôn..... 81
3.1.3. Định hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn 81
3.1.4. Mục tiêu..... 82
3.2. Một số giải pháp đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình..... 83

3.2.1. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức xã hội ở địa phương, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò đào tạo nghề cho lao động nông thôn 85
3.2.2. Tăng cường sự gắn kết với các doanh nghiệp 87
3.2.3. Nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề 89
3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn 90
3.2.5. Đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp cho lao động nông thôn. 92
3.3. Khuyến nghị 94
KẾT LUẬN 96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 98
PHỤ LỤC SỐ .....

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DN	Doanh nghiệp
ĐTN	Đào tạo nghề
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
HĐND	Hội đồng nhân dân
KHCN	Khoa học công nghệ
KT- XH	Kinh tế - Xã hội
LĐ	Lao động
LĐNT	Lao động nông thôn
LĐTBXH	Lao động – Thương binh và Xã hội
LLSX	Lực lượng sản xuất
MTQG	Mục tiêu Quốc gia
UBND	Ủy ban nhân dân
TW	Trung ương

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Hòa Bình năm 2018 40
Bảng 2.2: Tình hình dân số tỉnh Hòa Bình 43
Bảng 2.3: Tổng hợp nhu cầu học nghề trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017 -2019..... 44
Bảng 2.4: Bảng cơ cấu nhu cầu học nghề của người tham gia học nghề năm 2019..... 45
Bảng 2.5: Đánh giá của học viên học nghề đối với chương trình, giáo trình đào tạo nghề 49
Bảng 2.6: Tổng hợp đội ngũ giáo viên tại các Trung tâm dạy nghề..... 52
Bảng 2.7: Kinh phí hoạt động của đề án đào tạo nghề cho LĐTN giai đoạn 2010 -2015; 2016 - 2019..... 54
Bảng 2.8: Số liệu tổng kinh phí chi cho đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 – 2015, giai đoạn 2016 -2019..... 56
Bảng 2.9: Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 – 2015, giai đoạn 2016 -2019..... 59
Bảng 2.10 Bảng số liệu LĐNT có việc làmchia theo loại hình công việc..... 59
Bảng 2.11: Bảng số hộ gia đình thoát nghèo và số hộ có thu nhập khá có người tham gia học nghề..... 60
Bảng 2.12: Tỷ lệ lao động có việc sau khi được đào tạo nghề giai đoạn 2010-2019..... 61
Bảng 2.13: Đánh giá mức độ người lao động sử dụng kiến thức đã học vào công việc 62
Bảng 2.14: Đánh giá của cán bộ quản lý dạy nghề với học viên được đào tạo nghề..... 63
Bảng 2.15: Kết quả điều tra ý kiến của giảng viên và cán bộ quản lý..... 64

Bảng 2.16: Đánh giá đội ngũ giáo viên tham gia dạy nghề 65
Bảng 2.17: Danh sách cơ sở dạy nghề được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề 67
Bảng 2.18: Bảng đánh giá của học viên học nghề về cơ sở vật chất phục vụ các lớp đào tạo nghề 69
Bảng 2.19: Chính quyền các cấp hỗ trợ tìm việc làm cho LĐNT 74

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đất nước ta đang trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, đòi hỏi cơ cấu lao động hợp lý và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... Điều đó đặt ra phải làm tốt hơn nữa công tác đào tạo, trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn đóng một vai trò quan trọng để chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới trong cả nước.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn là một trong những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta đã được cụ thể bằng Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

Tuy nhiên, việc triển khai đề án vẫn còn những hạn chế yếu kém như việc tham mưu, phối hợp giữa các ban, ngành chức năng trong quá trình triển khai thực hiện còn chậm, chưa đồng bộ, dẫn đến triển khai dạy nghề cho lao động nông thôn chậm, kết quả chưa đạt kế hoạch đề ra; hầu hết các trung tâm dạy nghề đều mới thành lập, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, đội ngũ cán bộ giáo viên còn thiếu và yếu về trình độ chuyên môn; việc tổ chức sản xuất, giải quyết việc làm sau dạy nghề gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, do đầu ra của sản phẩm không ổn định; nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực

dạy nghề, kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn còn hạn chế, chủ yếu do ngân sách trung ương hỗ trợ thông qua đề án.

Tỉnh Hòa Bình là một địa phương không có nhiều lợi thế khi so sánh cùng các tỉnh khác, nguồn lực dành cho phát triển kinh tế có hạn, số lượng lao động ở nông thôn chiếm tỷ lệ lớn, chất lượng lao động nông thôn còn thấp, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ thấp, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, các cơ sở dạy nghề vẫn còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, một bộ phận người lao động sau khi học nghề xong gặp nhiều khó khăn trong việc tìm việc làm. Tuy nhiên, cũng còn một số tồn tại, hạn chế như: mạng lưới cơ sở dạy nghề cho LĐNT tuy được phát triển mở rộng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo các cấp trình độ. Công tác tuyển sinh học nghề gặp nhiều khó khăn, các cơ sở đào tạo chưa tạo lập được mối quan hệ ba bên giữa nhà trường, doanh nghiệp và người lao động. Việc phân bổ kinh phí dạy nghề cho LĐNT còn chậm, ảnh hưởng đến kế hoạch, tiến độ đào tạo của các cơ sở dạy nghề....

Với ý nghĩa như vậy, tôi chọn đề tài: *"Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình"* làm luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đã có nhiều bài báo, nhiều hội thảo, một số luận án Tiến sĩ, Thạc sĩ bàn về vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn, qua đó đã giúp cho chúng ta có cái nhìn đầy đủ và đa chiều hơn về công tác này.

Những năm vừa qua đã có các công trình nghiên cứu và nhiều bài viết nhằm tìm hiểu thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn như:

- Luận án Tiến sĩ " Nghiên cứu việc làm qua đào tạo nghề ở Việt Nam" của tác giả Bùi Tôn Hiến năm 2010 đã đi sâu nghiên cứu và hệ thống hóa những vấn đề lý luận về việc làm của lao động qua ĐTN, tìm hiểu những vấn

đề chủ yếu về việc của lao động qua ĐTN và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển việc làm qua ĐTN ở Việt Nam.

- Luận án tiến sĩ "Phân tích các yếu tố ảnh hướng đến công tác dạy nghề Việt Nam: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giai đoạn 2013 – 2020" của tác giả Nguyễn Chí Trường (2012). Luận án đã xác định và phân tích các yếu tố có ảnh hưởng đến chất lượng dạy nghề; đề xuất các giải pháp, chiến lược nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước; phân tích những mô hình điển hình, các kinh nghiệm hay của một số nước phát triển có mô hình dạy nghề hiện đại đáp ứng hiệu quả nhu cầu của ngành công nghiệp trên thế giới và đề xuất mô hình mới nhằm gắn kết dạy nghề với thực tiễn ngành công nghiệp Việt Nam; luận án đã đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật liên quan như Luật lao động, luật dạy nghề; đặc biệt là quy định về thang bảng lương; quyền hạn, trách nhiệm của bên sử dụng lao động đối với người được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với người lao động và người sử dụng lao động có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập và phân tích một cách có hệ thống vấn đề đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình thực sự thiết thực trong thời gian gần đây. Do vậy, đề tài là một công trình nghiên cứu có tiếp thu những thành tựu khoa học có liên quan nhưng có tính độc lập, không lặp lại các công trình khác.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1.Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời gian tới.

3.2.Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về ĐTN cho LĐNT.

Phân tích, đánh giá thực trạng ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, chỉ ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

Đề xuất giải pháp đẩy mạnh ĐTN cho LĐNTtrên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

- Phạm vi nghiên cứu về không gian: trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

- Phạm vi nghiên cứu về thời gian: Nghiên cứu trong giai đoạn 2010 - 2019, đề xuất giải pháp đến năm 2025.

5. Về phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp hệ thống hóa được áp dụng để tổng hợp các tài liệu, lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động ĐTN cho lao động nông thôn;

- Phương pháp điều tra xã hội học: Sử dụng bảng hỏi; Đối tượng trả lời bảng hỏi là người lao động đã qua học nghề theo chương trình ĐTN và cán bộ quản lý đào tạo nghề; Tác giả thiết kế bảng hỏi theo các nội dung cần thu thập thông tin của luận văn; Bảng hỏi sau khi được thiết kế, tác giả đã phát bảng hỏi cho người LĐNT, cán bộ quản lý đào tạo nghề thuộc10 huyện, thành phố; Tổng số phiếu phát ra là 240 gồm 180 phiếu dành cho LĐNT và 60 phiếu dành cho cán bộ quản lý, số phiếu thu về là 228 phiếu, trong đó có 190 phiếu hợp lệ gồm: 150 phiếucủaLĐNT và 40 phiếucủa cán bộ quản lý. Phân tích, xử lý, tổng hợp kết quả.

-Phương pháp thống kê: Tổng hợp số liệu đã có sẵn của tỉnh Hòa Bình cũng như trên các trang mạng, website, của các phòng ban liên quan đến ĐTN cho người lao động trên địa bàn;

- Phương pháp phân tích: Phân tích các báo cáo liên quan đến tình hình hoạt động của đơn vị và các biện pháp nâng cao chất lượng ĐTN cho người lao động;

- Phương pháp so sánh: Sử dụng so sánh để đối chiếu kết quả đào tạo nghề cho người lao động giữa các kỳ và các năm của tỉnh Hòa Bình

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn nghiên cứu, làm rõ thêm một số vấn đề về lý luận của đào tạo nghề cho LĐNT từ thực tiễn của tỉnh Hòa Bình; làm rõ thêm một số xu hướng trong đào tạo nghề lao động nông thôn trong điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay của nước ta và của tỉnh Hòa Bình.

Kết quả của luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan chuyên môn, các sở, ban, ngành liên quan đến việc hoạch định chính sách, chiến lược đào tạo nghề cho LĐNT tại tỉnh Hòa Bình cũng như vận dụng cho các địa phương khác một cách hợp lý. Đề xuất những định hướng, giải pháp để tiếp tục thực hiện và hoàn thiện đào tạo nghề cho LĐNT tại tỉnh Hòa Bình.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài phân tích, đánh giá đúng thực trạng, từ đó kiến nghị một số giải pháp và phương hướng góp phần đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, làm rõ thêm một số vấn đề về thực tiễn đặt ra trong đào tạo nghề cho LĐNT ở nước ta nói chung và tỉnh Hòa Bình nói riêng. Luận văn đề xuất được một số định hướng và giải pháp khả thi nhằm giải quyết việc làm cho LĐNT ở Hòa Bình trong những năm tới.

7. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo nội dung của luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Chương 3: Giải pháp đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

1.1. Một số khái niệm cơ bản

"*Đào tạo nghề nghiệp* là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp."**[18, tr.01]**

Như vậy, đào tạo nghề có những đặc trưng cơ bản sau:

- Đào tạo nghề bao gồm hai quá trình có quan hệ hữu cơ với nhau, đó là dạy nghề và học nghề.

+ Dạy nghề: "Là quá trình giáo viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để các học viên có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp".

+ Học nghề: "Là quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của người lao động để đạt được một trình độ nghề nghiệp nhất định".

+ Đào tạo nghề cho người lao động là giáo dục kỹ thuật sản xuất cho người lao động để họ nắm vững nghề nghiệp, chuyên môn bao gồm đào tạo nghề mới, đào tạo nghề bổ sung, đào tạo lại nghề.

Các hình thức đào tạo nghề gồm có: Hình thức kèm cặp trong sản xuất, hình thức mở các lớp nghề tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và hình thức đào tạo tại cơ cơ sở đào tạo nghề tập trung.

Sự khác nhau giữa khái niệm "Đào tạo nghề" (ĐTN) và "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn" là ở đối tượng đào tạo nghề; là những người thuộc lao độngở vùng nông thôn và những điều kiện gắn với quá trình đào tạo nghề đó. Từ sự phân tích trên, ta có thể đưa ra khái niệm:

- *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT):* Là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người lao động ở nông thôn có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH nông thôn.

1.1.1. Lao động nông thôn

Lao động nông thôn là một bộ phận dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động **[20, tr.215]**

Nông thôn là vùng lãnh thổ rộng lớn thường bao quanh các đô thị (thành phố, thị trấn, khu công nghiệp), ở đó hoạt động nông nghiệp(nông, lâm, ngư nghiệp) đóng vai trò chủ yếu và quan trọng, cơ sở hạ tầng kém phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ sản xuất hàng hóa thấp và mức sống của người dân thấp. Tuy nhiên, ở nông thôn những di sản văn hóa, phong tục tập quán cổ truyền phong phú. Như vậy, nông thôn có những đặc trưng sau:

- Nông thôn là vùng lãnh thổ sinh sống của cộng đồng dân cư chủ yếu là nông dân, là vùng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có các hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp và cho cộng đồng nông thôn. Sản xuất chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên.

- So với đô thị, nông thôn có cơ sở hạ tầng, trình độ sản xuất hàng hóa thấp hơn.

- Nông thôn là vùng có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật thấp hơn đô thị. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng thấp hơn.

Nguồn lao động nông thôn là một bộ phận dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Lực lượng lao động ở nông thôn là bộ phận của nguồn lao động ở nông thôn bao gồm những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

Tuy nhiên do đặc điểm, tính chất, mùa vụ của công việc ở nông thôn mà lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp không chỉ có những người trong độ tuổi lao động mà còn có những người trên hoặc dưới độ tuổi lao động tham gia sản xuất với những công việc phù hợp với mình.Từ khái niệm nguồn lao động ở nông thôn mà ta thấy lao động ở nông thôn rất dồi dào, nhưng đây cũng chính là thách thức trong việc giải quyết việc làm ở nông thôn.

Theo tác giả Nguyễn Tiệp: "Lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn nhân lực quốc gia, bao gồm toàn bộ những người có khả năng lao động (lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân và những người có khả năng tham gia lao động nhưng chưa tham gia lao động) thuộc khu vực nông thôn (khu vực địa lý bao trùm toàn bộ dân số nông thôn**".[20, tr.215]**

Tuy nhiên, trong nội dung của luận văn, tác giả sẽ tiếp cận khái niệm lao động nông thôn dựa trên một số đặc điểm cơ bản sau:

- Số lượng lớn: Theo Báo cáo điều tra Lao động việc làm của Tổng Cục Thống kê lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quý IV năm 2020 ước tính là 48,8 triệu người, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên năm 2020 ở khu vực nông thôn là 16,3%.

- Lao động nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp, trình độ học vấn thấp, không được đào tạo cơ bản. Ngoài ra, họ tham gia sản xuất, phục vụ nông nghiệp: bán giống, cây con, thuốc bảo vệ thực vật,…

- Mang tính thời vụ: lao động nông nghiệp, nông thôn làm việc có tính mùa vụ do dặc thù của nghề nông. Đối tượng của nghề nông là cây trồng, vật nuôi, chúng là những cơ thể sống trong đó quá trình tái sản xuất tự nhiên và tái sản xuất kinh tế đan xen nhau. Cùng một loại cây trồng, vật nuôi ở những

địa phương có điều kiện tự nhiên khác nhau sẽ có quá trình sinh trưởng và phát triển khác nhau. Tính thời vụ trong nông nghiệp là vĩnh viễn, chúng ta chỉ có thể tìm cách giảm tính thời vụ chứ không thể xóa bỏ được.

- GDP/đầu người thấp. Nông thôn là khu vực trong đó nông nghiệp là hoạt động chủ yếu của người dân. Nông nghiệp là ngành lao động nặng nhọc và thu nhập thấp, rủi ro cao. Vì vậy điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người dân rất khó khăn, hầu hết thu nhập của họ chỉ đủ tái sản xuất giản đơn và chỉ dùng cho các nhu cầu đời sống tối thiểu.

Dựa vào một số đặc điểm cơ bản nêu trên, có thể đưa ra cách tiếp cận khái niệm: lao động nông thôn là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động thuộc khu vực nông thôn, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

1.1.2. Nghề

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

Theo Từ điển Tiếng Việt: "Nghề là công việc chuyên làm theo phân công lao động trong xã hội". Với cách tiếp cận này, mỗi người trong hệ thống phân công lao động xã hội sẽ đảm nhận một hoặc một số công việc, những công việc này lặp đi lặp lại thường xuyên, từ ngày này sang ngày khác, nội dung của những công việc đó không hề thay đổi, và nó được hiểu là nghề.

Theo giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực – Đại học kinh tế quốc dân tác giả Trần Xuân Cầu, "Nghề cũng được hiểu là một hình thức phân công lao động, nó đòi hỏi kiến thức lý thuyết tổng hợp và thói quen thực hành để hoàn thành những công việc nhất định". **[9, tr.105]** Như vậy để có được nghề, người lao động cần phải có kiến thức về lý thuyết của một hoặc một vài môn khoa học nào đó, những kỹ năng thực hành đến mức thành thạo. Nghề có thể

hiểu là tổng hợp những kiến thức và kỹ năng lao động mà con người tiếp thu được do kết quả của đào tạo chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm trong công việc.

Mặc dù các khái niệm trên được hiểu theo các góc độ khác nhau, song chúng ta có thể thấy nghề có các đặc điểm sau:

- Nghề là hoạt động, là công việc về lao động của con người được lặp đi lặp lại.

- Nghề được hình thành do sự phân công lao động xã hội, phù hợp với yêu cầu của xã hội và là phương tiện để sinh sống.

- Nghề là lao động kỹ năng, kỹ xảo chuyên biệt có giá trị trao đổi, đòi hỏi phải có một quá trình đào tạo nhất định. Vì vậy đào tạo nghề là yêu cầu tất yếu bắt nguồn từ chính bản chất, đặc trưng của nó.

1.1.3. Đào tạo nghề

Trước hết, chúng ta tìm hiểu khái niệm Đào tạo nghề: Theo tác giả Trần Xuân Cầu, "Đào tạo nghề là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng, khả năng thuộc về một nghề, một chuyên môn nhất định để người lao động thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ của mình."**[9, tr.103]**

Đào tạo nghề gồm hai quá trình không thể tách rời nhau: dạy nghề và học nghề. Trong một số văn bản hiện nay, đào tạo nghề và dạy nghề được đồng nhất với nhau.

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014 tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII: "Dạynghề là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp."**[16, tr.01]**

Dạy nghề là tổng thể các hoạt động truyền nghề đến người học nghề. Đó là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để học viên có được một trình độ, kỹ năng, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp.

Học nghề là quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của học viên để có được một nghề nghiệp nhất định.

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là những người lao động nông thôn.

1.1.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là những người lao động nông thôn. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người lao động nông thôn có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp.

1.2. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.2.1. Đặc điểm của lao động nông thôn

Do LĐNT sống chủ yếu tham gia sản xuất trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và do tính chất riêng của ngành nông nghiệp nên tác giả đưa ra một số đặc điểm của LĐNT như sau:

LĐNT có tính thời vụ, có thời kỳ căng thẳng, có thời kỳ nhàn rỗi. Điều này ảnh hưởng đến nhu cầu lao động trong từng thời kỳ; đời sống sản xuất và thu nhập của lao động nông nghiệp.

Với đặc thù của sản xuất nông nghiệp nói chung, đặc biệt là lĩnh vực trồng trọt, sản xuất thường không liên tục mà theo giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng. Thông thường giai đoạn làm đất, gieo cấy và thu hoạch là những giai đoạn cần nhiều công lao động, còn giai đoạn chăm sóc và phòng

trừ sâu bệnh là giai đoạn không cần nhiều công sức của người lao động, hoặc có giai đoạn không cần sự tác động của con người cây trồng vẫn sinh trưởng và phát triển bình thường. Do vậy lao động nông thôn có tính thời vụ rõ rệt, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Về thời gian tổ chức các lớp ĐTN: nên tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn và tổ chức vào các thời điểm nông nhàn.

Về nội dung và chương trình đào tạo: tùy theo nội dung mà bố trí chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm gắn việc truyền đạt lý thuyết với việc hướng dẫn học viên thực hành trên cây trồng và con vật nuôi theo thời điểm sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

Do tính chất công việc trong sản xuất nông nghiệp mà hình thành nên tâm lý hay thói quen làm việc một cách không liên tục.

Điều kiện sản xuất nông nghiệp là người lao động làm việc ở ngoài trời, bị tác động bởi yếu tố ngoại cảnh như thời tiết, khí hậu, diễn biến tình hình dịch bệnh... Nên người lao động thường làm việc không theo giờ giấc nhất định mà theo điều kiện thời tiết và các điều kiện thực tế của cây trồng vật nuôi. Do đó là ảnh hưởng đến tác phong làm việc của người lao động trong sản xuất nông nghiệp là thiếu tính kỷ luật, thời gian làm việc không liên tục, không chịu sự quản lý điều hành của tổ chức hoặc cá nhân.

LĐNT nước ta vẫn còn mang nặng tư tưởng và tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ, ngại thay đổi nên thường bảo thủ và thiếu năng động.

Nước ta là một nước nông nghiệp với nền sản xuất kém phát triển, phần lớn dân số vẫn sống bằng nghề nông, chủ yếu là sản xuất tự cung tự cấp. Vì thế cho nên quy mô sản xuất thường nhỏ lẻ, manh mún, đa canh, đa con... Với nhiều thế hệ sản xuất theo cách truyền thống đã tạo nên tư tưởng và tâm lý tiểu nông, bằng lòng với những kết quả đã đạt được, thiếu tư duy sáng tạo, không muốn thay đổi phong tục tập quán sản xuất mà các thế hệ cha ông đã

truyền dạy, hoặc không dám đối mặt với sự rủi ro, bảo thủ với những cách làm cũ.

Từ những đặc thù về tư tưởng, tâm lý của người LĐNT, nên công tác đào tạo nghề cũng cần có phương pháp tiếp cận phù hợp như vừa hướng dẫn lý thuyết nhưng vừa có những dẫn chứng cụ thể bằng cách đi học tập những kinh nghiệm của các địa phương khác đã thực hiện có hiệu quả mô hình mới, cách làm mới.

LĐNT có kết cấu phức tạp không đồng nhất và có trình độ rất khác nhau. Hoạt động sản xuất nông nghiệp được tham gia bởi nhiều người ở nhiều độ tuổi khác nhau trong đó có cả những người ở ngoài độ tuổi lao động.

Theo Bộ Luật lao động, độ tuổi lao động được quy định đối với nam từ 15 tuổi đến đủ 60 tuổi, đối với nữ từ đủ 15 tuổi đến đủ 55 tuổi. Tuy nhiên, trong nông nghiệp người tham gia sản xuất có thể dưới 15 tuổi hoặc trên 55 tuổi đối với nữ và trên 60 tuổi đối với nam. Đa phần người lao động trong độ tuổi ở khu vực nông thôn có trình độ học vấn thấp, hầu như chưa được ĐTN một cách bài bản, chủ yếu là làm theo kinh nghiệm hoặc do được truyền nghề từ người thân trong gia đình. Từ đó đòi hỏi công tác ĐTN cho LĐNT cũng phải tính đến các yếu tố như độ tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm trong thực tiễn.

Thu nhập của người LĐNT còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, đặc biệt là tại vùng ven biển, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số.

Do thời giờ lao động không nhiều, không đồng đều giữa các thời điểm trong năm, trình độ tay nghề thấp, kết quả sản xuất phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, sản phẩm đầu ra không ổn định, năng suất lao động thấp, nên thu nhập của người LĐNT còn khá khiêm tốn. Từ đó đã tác động không nhỏ đến việc người lao động tự nguyện bỏ chi phí học nghề, hoặc tự đầu tư để tiếp thu, ứng dụng KHCN mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.

1.2.2. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn có những đặc điểm sau:

Do số lượng nguồn lao động nông thôn lớn nên đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn có số lượng lớn. Số lượng đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn lớn còn thể hiện ở chất lượng nguồn lao động nông thôn thấp. Thực tế hiện nay, lực lượng lao động nông thôn được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về nghề nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp, hầu hết các kiến thức, kinh nghiệm người lao động sử dụng đều thông qua sự đúc rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc và sự truyền dạy lại của các thế hệ trước. Theo Báo cáo điều tra Lao động việc làm quý 4 năm 2014 của Tổng Cục Thống kê, lực lượng lao động nông thôn không có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 32,689 triệu người, chiếm 89,14% trong tổng số lực lượng lao động nông thôn.

Do tính đa dạng của đối tượng đào tạo, nên việc tổ chức các khóa đào tạo phải rất linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ, hoàn cảnh của người học để tất cả người lao động nông thôn có cơ hội được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ đó tìm việc làm và tạo việc làm có năng suất lao động cao hơn, nâng cao dần mức sống của người dân. Cần đa dạng hóa và phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền như đào tạo tập trung tại các cơ sở, trung tâm dạy nghề đối với người lao động nông thôn chuyển đổi nghề nghiệp; đào tạo nghề lưu động cho lao động nông thôn làm nông nghiệp tại các làng, xã, thôn, bản; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường nơi người lao động làm việc.

Đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nguồn nội lực cho đào tạo nghề rất hạn chế. Số lượng đối tượng đào tạo nghề rất lớn, tuy nhiên do đó là những người dân ở nông thôn. Đó là nơi GDP đầu người thấp, sản

xuất hàng hóa ít phát triển, thị trường lao động ít phát triển, ít có khả năng tiếp cận với hệ thống giáo dục đào tạo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân chưa đảm bảo, môi trường sống của dân cư nông thôn chậm cải thiện (giao thông, điện, nước sạch...), do đó điều kiện của họ cho việc học nghề rất hạn hẹp, đặc biệt là học ở bậc cao và theo các hình thức trường lớp.

Tính chất thời vụ của nguồn lao động nông thôn đòi hỏi việc tổ chức đào tạo nghề, tập huấn các kiến thức liên quan về trồng cây, vật nuôi cũng phải được sắp xếp phù hợp và kịp với thời vụ thì mới đạt hiệu quả cao. Việc đào tạo nâng cao nhận thức và các kiến thức khác không phụ thuộc vào thời vụ cần được tổ chức vào thời điểm nông nhàn để người dân có điều kiện tham gia đông đủ hơn.

Do tính thời nên một bộ phận lớn người lao động nông thôn cần có thêm việc làm trong thời gian nông nhàn để tăng thu nhập, đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Vì vậy, đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần khuyến khích các hoạt động khuyến công (đặc biệt là tiểu thủ công nghiệp) và khuyến thương (thương mại và dịch vụ) nhằm giúp người lao động có thể kiếm thêm việc làm và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực lao động.

Tại nông thôn, bên cạnh các cơ sở đào tạo chuyên, hệ thống các tổ chức kinh tế như hộ thủ công truyền thống, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, các tổ chức xã hội như hội lao động nông thôn, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, đặc biệt là các tổ chức khuyến nông, lâm, ngư cũng đảm nhận chức năng đào tạo.

1.3. Nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.3.1. Xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Nhu cầu đào tạo nghề là mong muốn được tham gia, được hiểu biết và thực hành về một hay một số nghề phù hợp với điều kiện của mỗi người lao động đó. Nó là cơ sở quan trọng để hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều

kiện đào tạo nghề như: xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện vật chất, đội ngũ quản lý và giáo viên đào tạo nghề. Nhu cầu đào tạo cũng có thể được tính toán từ việc xem xét điều kiện vật chất và con người có thể huy động cho đào tạo nghề với nhu cầu từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc xem xét mối quan hệ giữa nhu cầu xã hội và khả năng về các điều kiện có thể huy động là quy trình hợp lý nhất để xác định nhu cầu đào tạo nghề tại một quốc gia, một vùng, một địa phương trong thời gian nhất định.

Xác định nhu cầu đào tạo nghề của mỗi địa phương, cần xác định nhu cầu của các bên liên quan:

Từ phía người lao động hay người có nhu cầu học nghề: khi tiến hành đào tạo nghề cần xem xét tới đối tượng của hoạt động ĐTN - những người học nghề với nhu cầu thực sự của họ và các điều kiện của chính họ để có thể tham gia vào quá trình đào tạo nghề, xác định khoảng trống giữa kiến thức, kỹ năng cần có khi tham gia lao động và những kiến thức, kỹ năng mà người học hiện có.

Từ phía người sử dụng lao động: sự phát triển kinh tế của địa phương, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của các doanh nghiệp và chiến lược phát triển kinh doanh là yếu tố quan trọng quyết định đến việc sử dụng lao động trong các doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành công nghiệp nhẹ, dệt may, da giày, chế biến lương thực thực phẩm,… thì yêu cầu về trình độ lao động không cao, vì vậy lao động đã qua đào tạo nghề sẽ đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Đối với những địa phương kinh tế chưa phát triển, chậm phát triển hay kinh tế xác hội còn nhiều khó khăn thì lao động địa phương chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo hoặc đã qua đào tạo nhưng tay nghề chưa cao. Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của người lao động và sự phát triển của đào tạo nghề tại địa phương.

Việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cần tiến hành theo quy trình:

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ.

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của địa phương, so sánh với yêu cầu về nhân lực, để từ đó xác định nhu cầu, lập kế hoạch bổ sung, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động của địa phương.

1.3.2. Xác định mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

"Mục tiêu dạy nghề là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước"**[16, tr.02]**

Trên cơ sở xác định nhu cầu và để đảm bảo công tác ĐTN cho LĐNT đạt hiệu quả, thì cần phải xác định một số mục tiêu cụ thể sau:

- Nâng cao quy mô và chất lượng đào tạo LĐNT đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và hội nhập kinh tế Quốc tế.

- Đào tạo nghề cho LĐNT nhằm cung cấp một đội ngũ người lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động đã qua ĐTN của các DN, cơ sở sản xuất hoặc tự tạo việc làm cho bản thân. Từ đó tạo ra bước đột phá tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp và ở khu vực nông thôn.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả ĐTN, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của LĐNT; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính, quản lý, điều hành KT- XH và thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

1.3.3. Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Lựa chọn đối tương đào tạo là một bước quan trọng. Thông qua nghiên cứu động cơ và nhu cầu, khả năng của người đươc đào tạo mà chính quyền địa phương có thể biết được quá trình đào tạo ó thể có tác dụng như thế nào đối với người lao động. Qua đó, có thể lựa chọn những lao động phù hợp với mục tiêu của địa phương và bản thân người lao động.

Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề là lựa chọn người cụ thể để đào tạo, dựa trên nghiên cứu và xác định nhu cầu và động cơ đào tạo của người laođộng, tác dụng của đào tạo đối với người lao động và khả năng nghề nghiệp cho từng người. Việc xác định đối tượng tham gia đào tạo có vai trò quan trọng giúp đem lại kết quả cao cho khóa học và quan trọng hơn là nó sẽ phát huy hiệu quả cao nhất cho công việc chung của tổ chức. Việc xác định đối tượng đào tạo và bồi dưỡng cần căn cứ vào một số cơ sở sau:

Phải xuất phát từ yêu cầu công việc mà đối tượng đó đang hoặc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

Đối tượng tham gia đào tạo phải có đủ tình độ, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết phù hợp với tính chất và nội dung của khóa học để đảm bảo kết quả.

Phải xem xét nguyện vọng cá nhân của người học vì đây là động lực quan trọng để học viên thu được kết quả cao trong học tập.

Phải dựa vào những điều kiện của bản thân địa phương và người lao động như nguồn kinh phí, bố trí sắp xếp thời gian học tập, chính sách sử dụng sau đào tạo. Tránh tường hợp đào tạo tràn lan hay cử đi đào tạo trong khi

nhucầu công việc không thực sự cần hiết hoặc không sử dụng một cách thỏa đáng.

Do đặc thù của sản xuất ở nông thôn là có thể sử dụng lao động từ rất trẻ cho đến sau độ tuổi lao động (theo quy định của pháp luật lao động). Vì vậy, có thể có những đối tượng chỉ có thể tham gia được các khoá đào tạo ngắn hạn, nhưng cũng có nhóm đối tượng (ví dụ từ 16- 24 tuổi) có thể và có điều kiện tham gia các khoá đào tạo dài hạn. Mặt khác, cần thiết phải phân các nhóm đối tượng trên trình độ học vấn. Đối với những người có trình độ học vấn thấp, họ có thể theo học các khoá dạy nghề ngắn hạn. Ngược lại, đối với những người có học vấn cao hơn (THCS, THPT...) có đủ điều kiện có thể theo các khoá học nghề ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng nghề. Hơn nữa, cũng phải khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác của người nông dân ở các vùng miền khác nhau để có thể có các hình thức đào tạo phù hợp. vì vậy cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo phù hợp.

1.3.4. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Để xác định nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các cấp chính quyền địa phương phải lập được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở đó sẽ xác định được nội dung đào tạo. Các cơ sở đào tạo có trách nhiệm đào tạo theo kế hoạch của địa phương, khi đó có thể đảm bảo được quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu sử dụng. Nguyên tắc cơ bản cho việc xác định nội dung đào tạo:

Tại mỗi vùng, cơ cấu ngành nghề và trình độ dân trí khác nhau nên cần xác định cụ thể nội dung dạy nghề cho lao động nông thôn tại từng vùng. Trong mỗi chương trình nên chia ra nhiều học phần khác nhau, lao động nông thôn có thể lựa chọn theo học toàn chương trình hoặc học từng phần riêng biệt, khi học xong cần cấp chứng chỉ về nghề nghiệp cho lao động nông thôn.

Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn. Ngoài ra, cần có sự tham gia của lao động nông thôn trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Thông qua việc tiếp xúc tìm hiểu nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, các nhà hoạch định nội dung chương trình sẽ biết được người lao động nông thôn cần gì, khả năng thu nhận và tư vấn cho họ trong việc lựa chọn, xác định nghề cần học.

Nội dung dạy cho lao động nông thôn phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế của vùng, của địa phương, với mục tiêu phân bố lại lao động nông thôn cũng như với khoa học công nghệ cao. Hai nội dung quan trọng của công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn phải được cụ thể hóa từng bước trong các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn.

Về xây dựng các chương trình ĐTN, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề

- Cấu trúc của chương trình đào tạo gồm có các môn học chung, các môn học riêng, môđun nghề. Thời gian trong chương trình đào tạo gồm có học các môn học, môđun bắt buộc theo quy định và thời gian học các môn học, môđun tự chọn do cơ sở đào tạo tự xây dựng.

- Các chương trình đào tạo phải rất cụ thể theo từng nghề và nhóm nghề. Các chương trình hướng đến 2 mục tiêu là trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện những kỹ năng nghề một cách cụ thể.

- Để có được các chương trình ĐTN, trên cơ sở chương trình khung chuẩn của nhà nước, các cơ sở ĐTN phải xác định được hệ thống ngành nghề mà cơ sở tham gia đào tạo; xác định ngành nghề là phạm vi sản phẩm của các cơ sở đào tạo sẽ cung ứng; xác định nhu cầu đào tạo của mỗi địa phương.

- Xây dựng các chương trình, học liệu dạy nghề (giáo trình, tài liệu hướng dẫn, băng, đĩa hình…) để đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng theo yêu cầu của thị trường lao động;

- Xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp của các loại nghề theo nhu cầu đào tạo.

1.3.5. Lựa chọn hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đào tạo nghề cho LĐNT có những đặc điểm riêng biệt. Vì vậy phương thức đào tạo cũng phải đa dạng, phong phú, tùy theo đối tượng, nhu cầu và điều kiện cụ thể để có hình thức đào tạo phù hợp.

"Phương pháp đào tạo trình độ sơ cấp phải chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành nghề và phát huy tính tích cực, tự giác của người học.Phương pháp đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng phải kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm; sử dụng phần mềm dạy học và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy và học." **[16, điều 36, trang 22]**

Phương pháp ĐTN là tổng hợp các cách thức hoạt động của thầy và trò nhằm thực hiện một cách tối ưu mục đích và nhiệm vụ dạy và học nghề.

Hình thức đào tạo là tổng hợp các cách thức hoạt động của giáo viên và học viên nhằm thực hiện tối ưu mục đích, nhiệm vụ dạy học. Trong thực tếgiảng dạy mỗi hình thức đều có ưu điểm và nhược điểm riêng cho nên để có sự lựa chọn và vận dụng phối hợp tốt nhất các hình thức giảng dạy, cần căn cứ vào mục đích yêu cầu nội dung, đặc trưng từng môn học, căn cứ vào đặc điểm nhận thức, đặc điểm lứa tuổi người học, điều kiện cơ sở vật chất.

Như vậy, có thể hiểu, hình thức đào tạo nghề là phương thức, cách thức để thực hiện mục tiêu đào tạo nghề.

Đào tạo nghề cho người lao động ở mỗi địa phương khác nhau có những đặc điểm riêng biệt khác nhau. Vì vậy phương thức đào tạo cũng phải đa dạng, phong phú, tùy theo đối tượng, nhu cầu và điều kiện cụ thể để có hình thức đào tạo phù hợp. Hiện nay, có một số hình thức đào tạo được sử dụng nhiều đó là:

***Đào tạo tại trung tâm dạy nghề**

Hầu hết các huyện, thị xã hiện nay đều có những trung tâm dạy nghề riêng và đang được quan tâm đầu tư kỹ lưỡng. Hình thức đào tạo nghề tại các trung tâm này thường có thời gian dài và thường từ ba tháng trở lên.Các trung tâm này hiện đang được đầu tư từng bước đáp ứng được những yêu cầu mới đối với công tác đào tạo nghề cho người lao động như: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại...

Ưu điểm của hình thức: Đào tạo được một số lượng người lao động lớn; Cơ sở vật chất, trang thiết phục vụ cho quá trình giảng dạy thuận tiện, đầy đủ; Có điều kiện hơn trong việc thực hành.

Nhược điểm của hình thức: Việc di chuyển đi lại của các học viên gặp nhiều khó khăn, chi phí đi lại, ăn ở lớn; Kinh phí đầu tư cao.

*** Đào tạo tại cơ sở, khu dân cư**

Đây là hình thức đào tạo mà các địa phương đang sử dụng đào tạo nghề cho người lao động thường xuyên nhất. Giáo viên từ các trung tâm nghề sẽtrực tiếp xuống thôn, bản giảng dạy lý thuyết và các kỹ năng cho học viên, hướng dẫn học viên từng mô hình cụ thể, từng cách làm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Hình thức đào tạo này là phổ biến nhất trong công tác đào tạo nghề cho người lao động của các địa phương. Tuy nhiên để hình thức này thực sự phát huy hiệu quả thì cần nâng cao nhận thức cho người lao động. Người dạy cần

phải thật sự tập trung và truyền đạt kiến thức chậm dãi, tỉ mỉ và dễ hiểu. Có như thế, người lao động mới có thể tiếp thu một cách tốt nhất.

Ưu điểm của hình thức này: Việc áp dụng lý thuyết và thực hành dễ dàng hơn; Tiết kiệm được chi phí, thuận tiện cho việc đi lại của học viên; Thu hút được lượng học viên tham gia đông đảo hơn.

Nhược điểm của hình thức này: Thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo nghề; Việc tiếp thu kiến thức không được trọn vẹn, vì đây thường là đào tạo ngắn hạn.

*** Đào tạo tại các trường chính quy, chuyên nghiệp**

Tổ chức đào tạo tại các trường nghề cần phải có bộ máy quản lý, đội ngũ giáo viên chuyên trách và cơ sở vật chất riêng cho đào tạo. Để nâng cao chất lượng của công tác đào tạo nghề, các trường phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Phải có kế hoạch, chương trình và giáo trình đào tạo đúng, đủ và phù hợp với ngành nghề đào tạo. Đối với các nghề phổ biến chương trình phải do Bộ Lao động - TBXH và Bộ Giáo dục - Đào tạo xây dựng ban hành. Chương trình đào tạo bao gồm hai phần: Lý thuyết và thực hành.

+ Phải có đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, nghiệp vụ, quan tâm và có trách nhiệm trong công việc đặc biệt là trong công tác đào tạo nghề.

+ Phải có đội ngũ giáo viên dạy nghề có đủ khả năng kinh nghiệm, chuyên môn, giảng dạy.

+ Các trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập, các phòng thí nghiệm phải được đầu tư đầy đủ và hiện đại.

Ưu điểm của hình thức này: Học viên được đào tạo một cách có hệ thống và bài bản; Tạo điều kiện cho việc phát triển tay nghề cao và có kiến thức chuyên sâu vững chắc hơn.

Nhược điểm của hình thức này: Phải có bộ máy quản lý và đội ngũ giáo viên giảng dạy chuyên nghiệp nên chi phí đào tạo khá lớn; Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cần nhiều kinh phí.

*** Đào tạo tại nơi làm việc**

Đây là hình thức đào tạo trực tiếp cho người lao động tại nơi làm việc của họ. Có thể là đào tạo cho cá nhân hoặc cho một nhóm công nhân lao động. Với việc đào tạo cho cá nhân, thì học viên học nghề được một công nhân có trình độ lành nghề cao hướng dẫn. Người hướng dẫn vừa sản xuất, vừa dạy nghề theo kế hoạch. Với việc đào tạo cho một nhóm người lao động, thì học viên học nghề được tổ chức thành từng tổ và phân công cho những công nhân dạy nghề, thoát ly sản xuất, chuyên trách hướng dẫn. Những công nhân dạy nghề phải có trình độ văn hoá, trình độ nghề nghiệp và có phương pháp sư phạm nhất định.

Ưu điểm của hình thức này: Tiết kiệm chi phí đào tạo cho tổ chức; Học viên dễ dàng hơn trong việc thực hành; Thời gian đào tạo ngắn.

Nhược điểm của hình thức này: Học viên không nắm được kiến thức từ thấp đến cao, học thiếu hệ thống khoa học; Nếu người dạy nghề không có trách nhiệm, thiếu kinh nghiệm, thì việc đào tạo này không có hiệu quả. Do đó kết quả học tập còn hạn chế.

*** Đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp**

Đối với những doanh nghiệp không có giáo viên chuyên trách về các ngành nghề phức tạp, cũng có thể là các ngành nghề riêng của doanh nghiệp,việc đào tạo trong sản xuất không đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Do đó, các doanh nghiệp phải tổ chức các lớp đào tạo riêng cho mình. Nhằm mang lại những hiệu quả cao trong quá trình sản xuất. Hình thức đào tạo này không đòi hỏi phải có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật

riêng, mà dựa vào những gì có sẵn trong doanh nghiệp. Chương trình đào tạo gồm hai phần:

Phần lý thuyết được giảng dạy tập chung do các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật phụ trách.

Phần thực hành được tiến hành ở các phân xưởng thực tập và trong các phân xưởng do các kỹ sư, công nhân lành nghề hướng dẫn.

Ưu điểm của hình thức này: Học viên được học lý thuyết tương đối có hệ thống và được trực tiếp tham gia lao động sản xuất. Tạo điều kiện phát triển và nâng cao tay nghề nhanh chóng; Thời gian đào tạo dài, số lượng đào tạo tương đối lớn nên có khả năng giải quyết nhu cầu cấp bách về công nhân kỹ thuật, lao động có trình độ mà các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cần.

Nhược điểm của hình thức này: Chỉ áp dụng được ở những doanh nghiệp quy mô tương đối lớn và chỉ đào tạo cho các doanh nghiệp cùng ngành có tính chất giống nhau.

Mỗi hình thức đào tạo đều có những ưu và nhược điểm riêng nên trong quá trình thực hiện đào tạo nghề cần lựa chọn và vận dụng kết hợp các hình thức với nhau. Giáo viên căn cứ vào mục đích, yêu cầu, nội dung, đặc trưng của từng môn học, khả năng nhận thức của người học và điều kiện cơ sở vật chất để lựa chọn hình thức phù hợp nhằm đạt được hiệu quả đào tạo nghề cao nhất.

1.3.6.Chuẩn bị tài chính, cơ sở vật chất và giáo viên đào tạo nghề

Chuẩn bị tài chính: tăng cường nguồn lực tài chính trong đào tạo là một trong những nhân tố quan trọng để nâng cao chất lượng đầu ra. Vấn đề tài chính bao gồm thu và chi. Để nguồn lực tài chính phát huy hiệu quả cao trong đào tạo thì hai quá trình thu và chi đều phải được thực hiện tốt.

Các nguồn thu phải thỏa mãn nhu cầu về chi tiêu cho đào tạo về việc mua sắm, sửa đổi nội dung chương trình, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nâng cao thu nhập của giáo viên. Có như vậy, cơ sở vật chất mới đáp ứng được nhu cầu của giảng dạy và một mức thu nhập thỏa đáng mới thu hút được đội ngũ giáo viên giỏi. Đây là những nền tảng của việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Các khoản chi tiêu hợp lý nhằm sử dụng các nguồn lực về tài chính một cách hiệu quả. Chi tiêu hợp lý là chi tiêu vào những vấn đề cần thiết nằm trong khả năng chi trả của cơ sở đào tạo. Việc chi tiêu cần ưu tiên cho những vấn đề cấp thiết nhất của việc đào tạo và phải luôn chú ý tính hiệu quả của nó.

Như vậy, việc lập kế hoạch, dự trù kinh phí đào tạo với cơ cấu hợp lý và áp dụng những giải pháp về tài chính đáp ứng được các hoạt động đào tạo nhằm khắc phục những hạn chế nói trên là điều kiện để nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT.

Chuẩn bị cơ sở vật chất: gồm tất cả các trang thiết bị, giáo cụ, phương tiện dạy học như hội trường, bàn, ghế, phấn, bảng, máy chiếu, băng hình, các phương tiện máy móc thiết bị, mô hình hay giáo cụ cần thiết. Ngoài ra, phải tính toán một cách chi tiết những nhu cầu cần thiết khác phục vụ cho giáo viên và học viên như điện, nước, loa, đài, micrô, photo in ấn tài liệu học tập cũng như các nguyên nhiên vật liệu khác cần thiết cho giảng dạy, thực hành.

Chuẩn bị giáo viên đào tạo: lựa chọn giảng viên cho chương trình đào tạo là một trong những việc quan trọng nhất quyết định đến sự thành công của mỗi chương trình đào tạo. Các giáo viên cần phải tuyển chọn kỹ càng, được tập huấn nắm vững những mục tiêu cơ cấu của các chương trình đào tạo. Tốt nhất cần căn cứ vào mục tiêu, nội dung, đối tượng đào tạo và kinh phí để lựa chọn giáo viên phù hợp. Mỗi một loại hình đào tạo, khóa học, lớp học nên xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn giáo viên.

Có thể lựa chọn giáo viên giảng dạy từ trong biên chế (người có thâm niên làm việc lâu, có kinh nghiệm giảng dạy, am hiểu trong lĩnh vực cần đào tạo...) hoặc có thể ký hợp đồng thuê giáo viên ngoài từ các trung tâm đào tạo dạy nghề chuyên nghiệp, giảng viên từ các trường đại học, giáo sư, tiến sĩ.... để có thể thiết kế nội dung và chương trìnhđào tạo phù hợp nhất với tình hình thực tế. Các giảng viên được lựa chọn dựa vào trình độ chuyên môn, khả năng sư phạm, kinh nghiệm, uy tín, có kỹ năng tốt trong thực hiện công việc, giỏi chuyên môn.

1.3.7. Thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Các công việc của triển khai gồm:

Xây dựng thời khóa biểu, lịch học tập sao cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh thích hợp ở mức cao nhất có thể được với điều kiện, hoàn cảnh học viên.

Phân công, bố trí giáo viên thực hiện chương trình theo tiến độ đề ra.

Bố trí người phục vụ lớp học và thực hiện công tác hậu cần. - Tổ chức kiểm tra, quản lý công tác đào tạo.

Điều chỉnh chương trình, nội dung, tiến độ đào tạo nếu thấy bất cập cho phù hợp.

Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ các bước cơ bản của quá trình chúng ta tiến hành thực hiện chương trình này. Cần trang bị những kiến thức chung và có cái nhìn tổng quát về các vấn đề cần đào tạo. Nên chỉ ra rõ quyền lợi của học viên sau quá trình đào tạo, kích thích học viên học tập giúp học viên chủ động tham gia vào quá trình một cách tích cực. Bên cạnh đó đề ra các nội quy, quy định và phải thường xuyên kiểm tra tình hình thực tế của chương trình đào tạo nhằm đảm bảo việc học tập cũng như giảng dạy đạt hiệu quả cao, theo đúng mục tiêu kế hoạch đã định. Chương trình phải có người đôn đốc kiểm tra quản lý quá trình thực hiện chương trình

1.3.8. Đánh giá kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hiệu quả là một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của hoạt động ĐTN. Việc đánh giá này nhằm tìm hiểu chương trình đào tạo có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không. Nó chủ yếu xác định kết quả đào tạo:lượng kiến thức, kỹ năng học viên đạt được và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng đó vào quá trình làm việc sau khi được đào tạo

Hiện nay có nhiều phương pháp đánh giá hiệu quả đào tạo, chẳng hạn có thể so sánh kết quả của học viên trước và sau khi đào tạo, có thể so sánh khả năng thực hiện công việc của những người được đào tạo và người chưa qua đào tạo có cùng đặc điểm, có thể đánh giá bằng định lượng thông qua chỉ tiêu kinh tế - xã hội liên quan đến sự chuyển biến thông qua đào tạo, chẳng hạn như năng suất lao động, doanh thu, lợi nhận, số vụ vi phạm kỷ luật lao động, số vụ tai nạn lao động, số người thực hiện thành thạo công việc, có thành tích cao sau khi được đào tạo…. Trên thực tế, để đánh giá kết quả của chương trình đào tạo người ta thường xem xét đánh giá theo những tiêu thức sau:

- Về định tính

+ Mục tiêu đào tạo có đạt được không.

+ Sau khoá học học viên đã tiếp thu được những gì, sự hài lòng thoả mãn của học viên đối với chương trình.

+ Khả năng vận dụng kiến thức, kinh nghiệm đã học vào thực hiện công việc, sử dụng các kiến thức, công nghệ mới vào hoạt động giảng day, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

+ Những thay đổi về nhận thức, hành vi theo hướng tích cực là gì? Có thiết thực cho hoạt động giảng dạy và nâng cao chất lượng thực hiện công việc không.

- Về định lượng

+ Quy mô đào tạo: Được bao nhiêu người, Tỷ lệ đạt yêu cầu, khá, giỏi

+ Hiệu quả công việc sau đào tạo: Chất lượng và hiệu quả công việc như thế nào? Có bao nhiêu người nhận xét đánh giá tích cực về giảng viên? Số công trình, bài báo hay đề tài nghiên cứu khoa học được công bố? Những kết quả cụ thể về năng suất và hiệu suất công việc của giảng viên, nhất là các giảng viên dạy thực hành?

Có thể đánh giá gián tiếp thông qua chất lượng đào tạo thể hiện ở kết quả, sự tiến bộ và thành tích mà học viên đạt được trong các môn học, khóa học hoặc có thể so sánh giữa thành tích thực hiện công việc giữa học viên và những người không tham gia đào tạo.

Ngoài ra có thể đánh giá theo các tiêu thức như: mục tiêu đào tạo có đạt được hay không ? Những điểm yếu, điểm mạnh của chương trình đào tạo và đặc tính hiệu quả kinh tế của việc đào tạo thông qua đánh giá chi phí và kết quả của chương trình, từ đó so sánh chi phí và lợi ích của chương trình đào tạo. Để đo lường các kết quả trên, có thể sử dụng các phương pháp như phỏng vấn, điều tra thông qua bảng hỏi, quan sát, yêu cầu người học làm bài kiểm tra. Từ đó chúng ta rút kinh nghiệm bài học để tránh lặp lại sai lầm cho chương trình giáo dục và đào tạo lần sau.

Trong thực tế các bước được thực hiện song song với nhau, hỗ trợ và điều chỉnh lẫn nhau.

Sau mỗi khóa đào tạo đơn vị tổ chức cần đánh giá kết quả và hiệu quả đào tạo đã đạt được, rút kinh nghiệm về những mặt làm tốt, những hạn chế và nguyên nhân cần khắc phục. Trên thực tế các đơn vị cần xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá.

+ Các tiêu chí đánh giá kết quả

Tiêu chí để đánh giá là “Kết quả của các khóa đào tạo có đáp ứng được mục tiêu đề ra hay không” nghĩa là sau khóa đào tạo học viên có những

chuyển biến, thay đổi gì về nhận thức, hành vi, đã thu được những kiến thức, kỹ năng gì phục vụ cho công việc và hiệu quả mang lại đến đâu có đạt được mục tiêu đề ra không?

+ Đánh giá về kết quả:đo lường hiệu quả và ích lợi đạt được do chương trình đào tạo. trước hết là đánh giá từ phía học viên.

- Đánh giá thông qua sự phản hồi của học viên: Tổ chức lấy ý kiến đánh giá, nhận xét, phản hồi từ phía học viên, tìm hiểu xem học viên có thỏa mãn, hay không thỏa mãn, thích thú hay, không thích thú với chương trình đào tạo? Những kiến thức, kỹ năng cung cấp có bổ ích cho học viên hay không?

- Đánh giá các kết quả đã tiếp nhận được của học viên: Thường được thể hiện qua ba mức: Thay đổi về mặt nhận thức, lý thuyết đến sự thay đổi về hành vi trong công việc dẫn đến sự thay đổi về kết quả, hiệu suất công tác.

+ Phân tích kết quả đào tạo qua điểm học tập của học viên Cần tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Kết quả điểm học tập là một trong số cơ sở đánh giá mức độ nhận thức tiếp thu kiến thức của học viên

+ Phân tích kết quả đào tạo qua thái độ và hành vi của học viên: Đánh giá thông qua hành vi, trình độ lành nghề, sự tiến bộ trong thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tế công việc.

+ Các tiêu chí đánh giá hiệu quả

Hiệu quả là một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của hoạt động đào tạo nghề. Việc đánh giá này nhằm tìm hiểu chương trình đào tạo có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không. Nó chủ yếu xác định kết quả đào tạo: lượng kiến thức, kỹ năng học viên đạt được và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng đó vào quá trình làm việc sau khi được đào tạo. Việc đánh giá hiệu quả đào tạo nghề được tiến hành dựa vào các tiêu chí sau:

+ Tỷ lệ lao động có việc làm đúng nghề học

+ Tỷ lệ lao động tự tạo được việc làm sau đào tạo

+ Số lượng lao động chuyển đổi nghề sau ĐTN

+ Tỷ lệ lao động qua ĐTN được doanh nghiệp tuyển dụng Mức độ hài lòng của lao động đối với khóa học: Khi kết thúc khóa học, thông qua phát phiếu thăm dò, cơ sở đào tạo lấy ý kiến của người lao động về nọi dung chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, mức độ ứng dụng vào công việc họ sẽ làm.

+ Mức độ phù hợp của ngành nghề đào tạo với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; khảo sát, điều tra người lao động sau khi tham gia khóa học có tìm được việc làm phù hợp không.

+ Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo: đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá hiệu quả đào đào nghề. Mục tiêu chính của đào tạo nghề là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

Mức độ liên kết của các trường dạy nghề với các doanh nghiệp hay số lượng người lao động có việc làm sau đào tạo: các cơ sở đào tạo cần quan tâm đến nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và của người lao động. Doanh nghiệp cũng cần liên kết với các trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo để người học sau khi tốt nghiệp đủ kiến thức kỹ năng đấp ứng yêu cầu công việc. Như vậy sẽ tránh được tình trạng lãng phí thời gian, tiền bạc của người lao động, của các cở sở đào tạo nghề của Nhà nước.

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.4.1. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn rất đa dạng, đó là: cơ sở dạy nghề công lập, tư thục, cơ sở dạy nghề tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông lâm trường, vùng chuyên canh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở dạy nghề tiểu thủ công mỹ nghệ.

Cần đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn: thu hút các cơ sở dạy nghề tư thục, các cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp), các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn.

Hiện nay, mạng lưới các cơ sở dạy nghề chủ yếu tập trung ở các khu vực đô thị, tuy nhiên lao động nông thôn vừa là người lao động vừa là các chủ hộ, họ quan tâm nhiều đến công việc gia đình, do đó nên bố trí các lớp học gần nơi ở của họ, để sau các buổi học họ có thể tham gia sinh hoạt với gia đình. Do vậy chú trọng phát triển hình thức dạy nghề tại trung tâm học tập cộng đồng trên cơ sở lớp học trên đồng ruộng/ lớp học hiện trường.

1.4.2. Các chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Cơ chế chính sách của Nhà nước các cấp là yếu tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển đào tạo nghề, đến việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho LĐNT cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo. Các chính sách khuyến khích phát triển hệ thống đào tạo nghề chủ yếu tác động vào các mặt, những nội dung trọng yếu tạo ra khuôn khổ pháp lý, môi trường KT-XH, khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia vào hoạt động phát triển dạy nghề. Do đào tạo nghề cần phải có nguồn lực lớn, hiệu quả kinh tế mang lại phải có thời gian mới thấy được, vì vậy chính sách đào tạo nghề, trong đó có đào tạo nghề cho LĐNT cần phải có các chính sách đầu tư, xã hội hóa, thu hút các nguồn bên ngoài (ngoài nguồn ngân sách nhà nước) một cách rộng rãi, lâu dài; đồng thời phải có hệ thống văn bản đồng bộ, nhằm tạo hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích đào tạo nghề phát triển.

Các chính sách của Đề án 1956 đến năm 2020; dự án chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề và việc làm các giai đoạn; Chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên học nghề...

Hiện nay, Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) ra đời (thay thế Luật Dạy nghề năm 2006) và chính thức đi vào thực hiện từ ngày 01 tháng 07 năm 2015, tiếp đó hàng loạt các văn bản hướng dẫn dưới Luật được ban hành, đã tạo ra hành lang, cơ sở pháp lý đồng bộ để triển khai thực hiện công tác GDNN trên cả nước, trong đó có công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

1.4.3. Nhận thức của xã hội về đào tạo nghề

Nhận thức của xã hội về ĐTN tác động mạnh đến công tác ĐTN, ảnh hưởng rõ rệt nhất của nó là tới lượng học viên đầu vào cho các cơ sở dạy nghề. Thực tế công tác ĐTN hiện nay chưa được xã hội nhận thức đầy đủ và đúng đắn. Vì những hạn chế, những rào cản của ĐTN, do tâm lý ưa chuộng khoa bảng, bằng cấp của gia đình, người học nghề và xã hội. Không ít các gia đình coi việc vào đại học như là con đường duy nhất để tiến thân, kiếm được việc nhàn hạ.

Nếu mọi người lao động trong xã hội đánh giá được đúng đắn hơn tầm quan trọng của việc học nghề thì lượng lao động tham gia học nghề sẽ chiếm một tỷ lệ lớn hơn so với toàn bộ số lao động trên thị trường và sẽ có cơ cấu trẻ hơn, đa dạng hơn. Hơn nữa, nếu người lao động nhận thức được rằng giỏi nghề là một phẩm chất quý giá của mình, là cơ sở vững chắc để có việc làm và thu nhập ổn định thì công tác ĐTN sẽ nhận được thêm nhiều nguồn lực hỗ trợ cần thiết từ xã hội.

1.4.4. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của địa phương

Do quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và quá trình đo thị hóa nên đất đai của người dân bị thu hẹp, nhiều người dân bị mất đất mà khả năng tạo việc làm từ quá trình này còn nhiều han chế, đồng thời do người lao động

nông thôn có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp không đáp ứng được yêu cầu công việc nên sức ép việc làm lao động nông thôn ngày càng tăng do xu thế phát triển của xã hội, điều này tác động không nhỏ đến hoạt đông đào tạo nghề cho lao động nông thôn – đào tạo nghề cho các đối tượng lao động này là điều tất yếu.

1.5. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn và bài học kinh nghiệm rút ra cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

1.5.1. Kinh nghiệm của một số địa phương

1.5.1.1. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Nghệ An

Nghệ An là một tỉnh có diện tích tự nhiên 16.487 km2, dân số 3.003.000 người, trong đó LLLĐ từ 15 tuổi trở lên là 1.477.687 người, đa số là lao động khu vực nông thôn với 1.335.473 người, chiếm khoảng 90% LLLĐ của tỉnh (số liệu đến 31/12/2012).

Thực hiện chính sách Đề án 1956 của Thủ tướng Chính phủ, Nghệ An được phê duyệt theo lộ trình từ năm 2010 đến năm 2020 nguồn kinh phí hơn 800 tỷ đồng; thời gian triển khai từ tháng 10/2010 đến nay, tuy chưa lâu nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt từ tỉnh đến huyện, xã, sự vào cuộc của các tổ chức, đoàn thể nên đã có những kết quả bước đầu đáng ghi nhận.

Năm 2010, toàn tỉnh có 66.000 lượt người được đào tạo nghề, trong đó có 5.600 lượt LĐNT được đào tạo theo Đề án 1956. Năm 2011, có 70.000 lượt người tham gia các lớp học nghề; trong đó, kết quả đào tạo nghề theo Đề án 1956 là 7.980 người với 266 lớp (nông nghiệp: 166 lớp với 4.980 người; phi nông nghiệp: 100 lớp với 3.000 người). Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo nghề là 75%. Với cách làm sáng tạo, tổ chức dạy nghề cho nông dân thông qua một số mô hình hiệu quả như nuôi lợn siêu nạc tại xã Thanh Lĩnh, huyện Thanh Chương; Chăn nuôi vịt bầu Quỳ Châu tại huyện Quế Phong; Trồng rau cao sản ở xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu,... Chăn

nuôi trâu, bò hàng hóa tại xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương đã giúp các học viên vừa nắm vững được lý thuyết, vừa học tập được kinh nghiệm của các mô hình hiệu quả. Để triển khai đào tạo nghề cho LĐNT, toàn tỉnh đã huy động 48 cơ sở đào tạo nghề bao gồm các trường dạy nghề công lập, các trung tâm dạy nghề của huyện và các cơ sở ngoài công lập.

Qua 2 năm thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho LĐNT" theo Đề án 1956, Nghệ An đã thực hiện cơ bản các yêu cầu, nhiệm vụ theo Quyết định của Chính phủ đề ra. Đề án đã góp phần nâng cao chất lượng tay nghề cho LĐNT, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn phục vụ cho CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn; tạo việc làm, chuyển đổi nghề, tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn không ít tồn tại, khó khăn như: Tỷ lệ chưa qua đào tạo trong LĐNT còn cao, tập trung vào người nghèo, vùng núi cao, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ven biển. Không phải tất cả các lớp mở ra đều thật sự hiệu quả, nhiều người học xong không có điều kiện áp dụng vào thực tế, không có việc làm phù hợp với công việc được đào tạo nên quay lại về với NN và công việc cũ... Việc mở các lớp và vận động người dân theo học cũng gặp không ít khó khăn do thị trường việc làm chưa phát triển, thu nhập của lao động có nghề không góp phần ổn định được cuộc sống khiến cho công tác đào tạo nghề chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi của người lao động, chưa giúp được các hộ gia đình thoát nghèo bền vững...

1.5.1.2. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lai Châu

Trong thời gian qua tỉnh Lai Châu đã mở 61 lớp đào tạo nghề cho 1.852 LĐNT của 7 huyện, thị. Trong đó có 24 lớp chăn nuôi gia cầm, 19 lớp trồng cây lương thực thực phẩm, 8 lớp trồng rau, 3 lớp nuôi trồng thủy sản nước ngọt, 2 lớp kỹ thuật trồng nấm.... Đạt 100% kế hoạch được giao.

Tỉnh đã xây dựng được 57 mô hình thí điểm học nghề, mô hình tập trung ở hai lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, đã xây dựng được 19 mô hình về

cây lương thực, thực phẩm. Trong đó 12 mô hình lúa lai Nghi Hương 2308 và Nam Lu 603 (huyện Phong Thổ 03 mô hình, Tân Uyên 03 mô hình, Thanh Uyên 02 mô hình...) Học viên được thực hành trên 6000 m2 . Sau khi đem áp dụng vào thực tế mô hình của bà con nông dân tăng từ 15 - 20%. Điển hình như mô hình ở bả xã Hua Nà, Tân Hợp, Tân Uyên tăng bình quân đạt trên 60 tạ/ha.

Bên cạnh đó còn triển khai 7 mô hình ngô lai CP 333, CP 989 được triển khai tại huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Mường Tè, Sìn Hồ diện tích mỗi mô hình là 4000m2. Kết thúc khóa học sản lượng ngô ở mô hình thực nghiệm tăng 55 - 60 tạ/ha. Điển hình mô hình ngô ở bản Vàng Pó thị trấn Phong Thổ, bản U Gia xã Huổi Luông huyện Phong Thổ năng xuất đạt trên 65%.

Ngoài ra có 22 mô hình chăn nuôi với 300 co gà giống Tam Hoàng có trọng lượng 0,2 - 0,3 kg. Sau 2 tháng thử nghiệm tỷ lệ sống bình quân từ 80 - 85%, trọng lượng đạt 1,7 - 2kg. Triển khai đầu tư 2 mô hình nuôi ngan, mỗi mô hình đầu tư 180 con, máng ăn, máng uống, thuốc thú y. Sau 2 tháng kết thúc tỷ lệ sống đạt 90% và trọng lượng trung bình đạt 2,8 - 3 kg.

Mô hình trồng rau cũng được chú trọng, 8 mô hình được triển khai ở các huyện Tam Đường, Phong Thổ và Thị xã. Mỗi mô hình được thực hiện trên diện tích 3.000 m2 . Sau khi thu hoạch sản phẩm, mô hình rau bán ra thị trường đều cho giá trị kinh tế cao hơn từ 1,5 - 2 triệu động. Điển hình là các mô hình bản Lùng Thàng xã Nậm Loong Thị xã Lai Châu, bản Mào Mô xã Giang Ma huyện Tam Đường.

1.5.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Từ kinh nghiệm của một số địa phương về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tôi rút ra được một số bài học có thể vận dụng để hoàn thiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

Để công tác ĐTN thành công cần có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tỉnh ủy - HĐND - UBND, sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng, ban ngành, đoàn thể liên quan và sự tham gia tích cực của UBND các xã, phường, thị trấn trong thực hiện ĐTN cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn nghề cho người lao động nâng cao nhận thức về nghề nghiệp, việc làm, giải quyết được việc làm sau khi học nghề.

Thực hiện việc rà soát nhu cầu học nghề cho lao động trên địa bàn và nhu cầu tuyển lao thông qua cuộc điều tra thu thập thông tin biến động cung – cầu lao động hàng năm. Kết quả cuộc điều tra là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐTN và giải quyết việc làm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện việc đa dạng các loại hình, hình thức ĐTN theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng người lao động tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu việc làm của mình.

Công tác ĐTN cho LĐNT được triển khai trên các mặt hoạt động đồng thời theo các hướng đào tạo gồm: đào tạo chuyển dịch cơ cấu lao động đi đôi với quá trình CNH; có sự phân phối giữa đào tạo lý thuyết với thực hành tại nơi sử dụng lao động; thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ các DN trong việc tuyển dụng lao động; đề nghị các DN cam kết tuyển dụng nguồn nhân lực sau đào tạo nhằm thu hút chính những lao động bị thu hồi đất, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động thuộc các gia đình chính sách, có công với cách mạng vào làm việc, đảm bảo an ninh trật tự, an sinh xã hội.

Cần thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát, chấn chỉnh việc tổ chức thực hiện công tác dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện đánh giá khách quan chất lượng và hiệu quả đào tạo, từng bước nâng cao tiêu chuẩn đánh giá đầu ra trong dạy nghề để đáp ứng các yêu cầu của thực tế sản xuất và thị trường lao động,...

Bên cạnh đó, về phía người dân và người lao động cũng cần thường xuyên quan tâm, nắm bắt cập nhật thông tin về định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KTXH, về giáo dục - đào đạo, nghề nghiệp, việc làm,...; đồng thời căn cứ vào các điều kiện cụ thể về trình độ học vấn, khả năng kinh tế, năng lực sở trường, điều kiện sản xuất ... của bản thân hoặc người thân để có thể lựa chọn ngành nghề học theo các cấp trình độ đào tạo, hình thức học tập, thời gian đào tạo, phù hợp để theo học, đảm bảo cho việc phát triển tương lai nghề nghiệp, xây dựng cuộc sống vững chắc sau này.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

2.1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Hòa Bình có ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý

- Vị trí địa lý: Tỉnh Hòa Bình phía bắc giáp tỉnh Phú Thọ; phía nam giáp tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình; phía đông giáp thủ đô Hà Nội, Hà Nam; phía tây giáp tỉnh Sơn La, Thanh Hoá.

Trên bản đồ Việt Nam, tỉnh Hoà Bình nằm ở cửa ngõ vùng Tây Bắc, có diện tích tự nhiên 4.662,53 km2. Xét về vị trí địa lý, Hoà Bình là vùng đệm trung gian giữa một bên là vùng đồng bằng Bắc Bộ và một bên là núi cao, rừng rậm của miền Tây Bắc, được thông giao qua quốc lộ 6 (đường bộ) và sông Đà (đường thủy) ở phía bắc. Hoà Bình giáp ranh thủ đô Hà Nội và có vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ của khu vực và cả nước.

- Đặc điểm thổ nhưỡng: Do đặc điểm địa hình và khí hậu nên đất đai Hoà Bình chia thành hai vùng rõ rệt: Vùng núi cao trung bình, gồm đất feralít vàng đỏ có hàm lượng mùn 6 - 7%; do độ ẩm cao, nhiệt độ thấp, vùng này rất thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp.Vùng đồi và núi thấp, gồm đất feralít vàng đỏ và vùng cỏ thứ sinh, trong đó đất bạc màu chiếm 45 - 80%. Vùng ven sông Đà và các suối khác do hàng năm được bồi một lớp phù sa khá dày nên rất thuận lợi cho việc trồng lúa, trồng màu.

- Đặc điểm khí hậu: Hoà Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với các đặc trưng: nóng, ẩm, có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình trong năm 230C; lượng mưa trung bình 1.800 mm/năm; độ ẩm tương đối 85%; lượng bốc hơi trung bình năm 704 mm. Khí hậu trong năm chia làm hai mùa rõ rệt:

Mùa hè: bắt đầu từ tháng 4, kết thúc vào tháng 9. Nhiệt độ trung bình trên 250C, có ngày lên tới 430C. Lượng mưa trung bình trong tháng trên 100 mm, thời điểm cao nhất là 680 mm (năm 1985). Mưa thường tập trung vào tháng 7, 8. Lượng mưa toàn mùa chiếm 85 - 90% lượng mưa cả năm.

Mùa đông: bắt đầu từ tháng 10 năm trước, kết thúc vào tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình trong tháng dao động trong khoảng 16 - 200C. Ngày có nhiệt độ xuống thấp là 30C. Lượng mưa trong tháng 10 - 20mm.

- Tài nguyên thiên nhiên: Hòa Bình là mảnh đất có nguồn tài nguyên phong phú như: tài nguyên rừng, tài nguyên du lịch, khoáng sản, nước khoáng và hệ động vật

Bảng 2.1:Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Hòa Bình năm 2018

STT	Hạng mục	Tổng số (Ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	**459.056**	**100,00**
I	**Đất nông nghiệp**	**386.884**	**84,28**
1	Đất sản xuất nông nghiệp	88.442	19,26
	- Đất trồng cây hàng năm	64.204	13,98
	+ Đất trồng lúa	31.333	6,82
	+ Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	-	-
	+ Đất trồng cây hàng năm khác	32.871	7,16
	- Đất trồng cây lâu năm	24.238	5,28
2	Đất lâm nghiệp	296.130	64,51
	- Đất rừng sản xuất	153.256	33,38
	- Đất rừng phòng hộ	114.338	24,91
	- Đất rừng đặc dụng	28.536	6,22
3	Đất nuôi trồng thủy sản	1.771	0,39

STT	Hạng mục	Tổng số (Ha)	Cơ cấu (%)
4	Đất làm muối	-	-
5	Đất nông nghiệp khác	541	0,12
II	**Đất phi nông nghiệp**	**53.162**	**11,58**
1	Đất ở	14.010	3,05
	- Đất đô thị	995	0,22
	- Đất ở nông thôn	13.015	2,83
2	Đất chuyên dùng	31.210	6,80
	- Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	1.504	0,33
	- Đất quốc phòng, an ninh	3.529	0,77
	- Đất có mục đích công cộng	22.645	4,93
3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	52	0,01
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2.239	0,49
5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	5.651	1,23
6	Đất phi nông nghiệp khác	0.48	-
III	**Đất chưa sử dụng**	**19.010**	**4,14**
1	Đất bằng chưa sử dụng	1.940	0,42
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	6.965	1,52
3	Núi đá không có rừng cây	10.105	2,20

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình năm 2018)

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tỉnh Hòa Bình hiện nay bao gồm 10 huyện, thành phố: Cao Phong, Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Lạc Sơn, Yên Thủy, Lạc Thủy, Kim Bôi, Lương Sơn và thành phố Hòa Bình với 151 xã, phường, thị trấn.

Dân số toàn tỉnh trên 800 nghìn người, trên địa bàn tỉnh có 6 dân tộc sinh sống, đông nhất là người Mường chiếm 63,3%; người Kinh chiếm

27,73%; người Thái chiếm 3,9%; người Dao chiếm 1,7%; người Tày chiếm 2,7%; người Mông chiếm 0,52%; và còn có một số ít người Hoa sống rải rác ở các địa phương trong tỉnh. Ngoài ra, còn có một số người thuộc các dân tộc khác chủ yếu do kết hôn với người Hòa Bình công tác ở các tỉnh miền núi khác.

Năm 2019, trong bối cảnh kinh tế cả nước tiếp tục khởi sắc trên nhiều lĩnh vực, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, phát triển doanh nghiệp, thu hút khách quốc tế, đầu tư nước ngoài và xuất khẩu đều đạt kết quả nổi bật; tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình trong năm qua mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước đạt 9,05%; GRDP bình quân đầu người/năm đạt 58,9 triệu đồng; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 4.000 tỷ đồng; trong năm có thêm 19 xã về đích nông thôn mới, nâng tổng số xã về đích nông thôn mới là 82 xã *(chiếm 42,9% tổng số xã)*, trung bình mỗi xã đạt 15,01 tiêu chí; đời sống Nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 3,38% *(còn khoảng 11,36%)*; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,53%; văn hóa - xã hội có bước phát triển; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng được bảo đảm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, đúng hướng.

2.1.3. Một số vấn đề xã hội tỉnh Hòa Bình

2.1.3.1. Dân số lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2018 toàn tỉnh đạt 846.119 người, tăng 7.276 người, tương đương tăng 0,87% so với năm 2017. Trong đó bao gồm: dân số thành thị 124.757 người, chiếm 14,74% ; dân số nông thôn 721.362 người, chiếm 85,26%; dân số nam 423.092 người, chiếm 50,00%; dân số nữ 423.027 người, chiếm 50,00%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trên toàn tỉnh năm 2018 ước tính là 556.442 người, tăng 2.769 người so với năm 2017. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2018 ước tính 553.417 người,

tăng 1.982 người so với năm 2017. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo năm 2018 ước tính đạt 16,8% thấp hơn mức 17% của năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm 2018 là 0,62%, trong đó khu vực thành thị là 1,37%; khu vực nông thôn là 0,52%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2018 là 0,89%, trong đó khu vực thành thị là 0,13%; khu vực nông thôn là 0,99%

Bảng 2.2: Tình hình dân số tỉnh Hòa Bình

Chỉ tiêu		2015		2016		2017	
		Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)	Số người (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số		824.325	100,00	831.357	100,00	838.843	100,00
Phân theo giới tính	**Nam**	409.065	49,62	415.077	49,93	419.134	49,97
	Nữ	415.260	50,38	416.280	50,07	419.709	50,03
Phân theo vùng	**Thành thị**	119.756	14,53	122.945	14,79	123.868	14,77
	Nông thôn	704.569	85,47	708.412	85,21	714.975	85,23

(Nguồn: niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình năm 2018)

2.1.3.2. Đời sống dân cư

Năm 2018, ngoài những khó khăn chung của cả nước, tỉnh Hòa Bình còn bị thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra. Trong khi cả tỉnh đang nỗ lực khắc phục hậu quả bởi đợt mưa lũ, sạt lở đất tháng 10 năm 2017, thì từ ngày 15/7 đến ngày 31/7/2018 thì lại xảy ra mưa lớn, gây lũ quét, ngập lụt, sạt lở nghiêm trọng làm hư hỏng nhiều công trình hạ tầng, hàng chục hộ dân phải di dời tới nơi tái định cư, tổng thiệt hại ước tính hàng nghìn tỷ đồng. Có 22/24 chỉ tiêu trong Nghị quyết của tỉnh về phát triển kinh tế đạt và vượt mốc đề ra.

Đến nay toàn tỉnh Hòa Bình có 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong năm có 17 xã đăng ký đạt chuẩn trong năm 2018, số tiêu chí bình quân các xã đăng ký về đích đạt 14,29 tiêu chí. Toàn tỉnh có 162 hợp tác xã nông nghiệp, tăng 13 hợp tác xã so với đầu năm. Số hợp tác xã đủ tiêu chuẩn xếp loại là 124 HTX. Tổng số thành viên HTX là 3.077 tăng 370 thành viên, bình quân trên 20 thành viên/01 HTX, chủ yếu là thành viên đại diện hộ gia đình, chiếm 97%, còn lại là các thành phần khác. Số trang trại trong toàn tỉnh là 110 trang trại, trong đó: có 46 trang trại tổng hợp chiếm tỷ lệ 43%; 42 trang trại chăn nuôi chiếm tỷ lệ 38%; 14 trang trại trồng trọt chiếm 11%; 03 trang trại lâm nghiệp chiếm tỷ lệ 3% và 5 trang trại thủy sản chiếm 5%. Có 79 trang trại đã cấp giấy chứng nhận, các trang trại trong nông nghiệp đều được thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận và phân loại đánh giá.

2.2.Thực trạngđào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

2.2.1. Thực trạng xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thực hiện chương trình khảo sát ĐTN cho LĐTNT của tỉnh Hòa Bình tác giả đã nghiên cứu, tổng hợp và có kết quả như sau:

Bảng 2.3: Tổng hợp nhu cầu học nghề trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017 -2019

STT	Hệ đào tạo nghề	Đơn vị tính	2017	2018	2019
1	Cao đẳng, trung cấp nghề	Người	1.600	2.600	2.800
2	Sơ cấp nghề	Người	4.200	7.600	6.800
3	Dạy nghề dưới 3 tháng	Người	5.000	6.000	6.500

(Nguồn : Kết quả tổng hợp của tác giả)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy, nhu cầu được đào tạo nghề của người lao động trên địa bàn tỉnh ngày một tăng cao từ 10.800 người vào năm 2017 tăng lên l6.100 người vào năm 2098, tăng149,07%. Nhu cầu học nghề với hệ đào tạo dưới 3 tháng luôn được LĐNT lựa chọn nhiều hơn.

Công tác tuyển sinh hệ giáo dục nghề nghiệp có xu hướng tăng, gần 60% vào các hệ trung cấp, sơ cấp. Bên cạnh đó, sau khi tốt nghiệp THPT, học sinh đi làm công nhân ở các nhà máy trong tỉnh khoảng 1.500 em, ngoài tỉnh khoảng 8.000 em. Các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cũng được triển khai có hiệu quả, kể cả công lập và ngoài công lập. Những năm gần đây, hệ trung cấp, sơ cấp được mở tại cơ sở, tại cụm xã. Con em hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ học phí, chi phí học tập, học sinh, sinh viên được vay vốn. Ngành nghề đào tạo tập trung ở các nghề: điện, sửa chữa máy, hàn, điện tử, cơ khí, điện lạnh… bảo đảm nhân lực trực tiếp phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các khu công nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp sử dụng từ 10 - 100 lao động được hỗ trợ 300.000 đồng/lao động; sử dụng từ 100 - dưới 1.000 lao động được hỗ trợ 500.000 đồng/lao động; sử dụng trên 1.000 lao động được hỗ trợ 1 triệu đồng/lao động. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia thị trường lao động.

Bảng 2.4: Bảng cơ cấu nhu cầu học nghề của người tham gia học nghề năm 2019

Đơn vị tính (%)

TT	Tham gia học nghề		Nhóm đặc thù					
	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Người nghèo		Phụ nữ		Dân tộc thiểu số	
			Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp
1	44	56	58	42	40	60	46	54

(Nguồn : Kết quả tổng hợp của tác giả)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy, nhu cầu được đào tạo nghề phi nông nghiệp của người lao động trên địa bàn tỉnh luôn được ưu tiên lựa chọn hơn so với nông nghiệp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Riêng đối với nhóm đối

tượng là người nghèo là có nhu cầu học nghề đối với ngành nông nghiệp cao hơn so với ngành phi nông nghiệp.

2.2.2. Thực trạng xác định mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của tỉnh đang phát triển theo định hướng tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp,dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều dự án thu hồi đất giải phóng mặt bằng nên đất canh tác ngày càng bị thu hẹp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã đã phê duyệt Đề án 1956 tỉnh Hòa Bình tại QĐ số 45/QĐ-UBND ngày 14/01/2011 với mục tiêu bình quân hàng năm đào tạo cho khoảng 9.000 LĐNT và 1.300lượt cán bộ công chức cấp xã.

Giai đoạn 2016-2020, Đề án 1956 được triển khai lồng ghép trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 971/2015/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện, cụ thể: Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/3/2016 về phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề, đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 09/8/2017 phê duyệt kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNTgiai đoạn 2017-2020 tỉnh Hòa Bình; Kế hoạch số 112/KH-UBND, ngày 17/11/2015 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg:

Với mục tiêu tổ chức tuyển sinh đào tạo bồi dưỡng kỹ năng cho 70.000 đến 75.000 người, trung bình từ 14.000 đến 15.000 người/năm; Đào tạo nghề cho LĐNT từ 25.000 đến 30.000 người, trung bình từ 5.000 đến 6.000 người/năm; Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã: 4.514 người, trong đó: Bồi dưỡng nâng cao: 400 người; bồi dưỡng kỹ năng: 4.114 người.

2.2.3. Thực trạng lựa chọn đối tượng đào tạo nghề

Ngày 15/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định 1552/QĐ-UBND về Danh mục nghề, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Theo đó các đối tượng được hỗ trợ gồm: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Nguyên tắc hỗ trợ:

Người học đăng ký tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng được lựa chọn học nghề, cơ sở đào tạo. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học được thực hiện thông qua cơ sở đào tạo tổ chức khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Cơ sở tham gia đào tạo, doanh nghiệp phái có đủ điều kiện được hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề là lựa chọn người cụ thể để đào tạo, dựa trên nghiên cứu và xác định nhu cầu và động cơ đào tạo của người laođộng, tác dụng của đào tạo đối với người lao động và khả năng nghề nghiệp cho từng người.

Do đặc thù của sản xuất ở nông thôn là có thể sử dụng lao động từ rất trẻ cho đến sau độ tuổi lao động (theo quy định của pháp luật lao động). Vì vậy, có thể có những đối tượng chỉ có thể tham gia được các khoá đào tạo ngắn hạn, nhưng cũng có nhóm đối tượng (ví dụ từ 16- 24 tuổi) có thể và có điều kiện tham gia các khoá đào tạo dài hạn. Mặt khác, cần thiết phải phân

các nhóm đối tượng trên trình độ học vấn. Đối với những người có trình độ học vấn thấp, họ có thể theo học các khoá dạy nghề ngắn hạn. Ngược lại, đối với những người có học vấn cao hơn (THCS, PHPT..) có đủ điều kiện có thể theo các khoá học nghề ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng nghề. Hơn nữa, cũng phải khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác của người nông dân ở cácvùng miền khác nhau để có thể có các hình thức đào tạo phù hợp. vì vậy cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo phù hợp.

2.2.4. Thực trạng xây dựng nội dung chương trình đào tạo

Về Giáo trình, tài liệu học tập: chương trình, giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn sử dụng dựa trên chương trình, giáo trình của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành đối với nghề phi nông nghiệp; của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với nghề nông nghiệp. Các cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn chủ động điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp với thực tế tại các địa phương. Giai đoạn 2010 – 2019 theo báo cáo số 324/BC-Tu ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Tỉnh ủy tỉnh Hòa Bình số nghề, nhóm nghề đã được phê duyệt định mức hỗ trợ chi phí đào tạo là 30 nghề. Trong đó, có 10 nghề nông nghiệp, 20 nghề phi nông nghiệp. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn căn cứ vào danh mục nghề đã được phê duyệt gắn với chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, học liệu trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng và tài liệu phát tay cho các học viên phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Đến cuối năm 2017, tổng số chương trình và giáo trình được điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới là 58 bộ; trong đó, nghề nông nghiệp là 32 bộ, nghề phi nông nghiệp là 26 bộ.

Bảng 2.5: Đánh giá của học viên học nghề đối với chương trình, giáo trình đào tạo nghề

STT	Nội dung	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
01	Tổng số học viên được điều tra về nội dung đánh giá chương trình, giáo trình đào tạo nghề	150	100%	
02	Đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động	72	48,0	
03	Phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế	74	49,3	
4	Chưa phù hợp cần phải bổ sung	04	2,6	

(Nguồn: kết quả điều tra của tác giả)

Qua số liệu điều tra từ người lao động đã tham gia học nghề ta thấy người lao động đánh giá chương trình, giáo trình của các cơ sở dạy nghề về cơ bản mới chỉ đáp ứng được một nửa nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế - xã hội. Điều đó chứng tỏ các chương trình được xây dựng đã phần nào đáp ứng được mục tiêu đào tạo của từng cơ sở đào tạo nghề, gắn với nhu cầu học nghề của học viên và thị trường lao động, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho thị trường lao động. Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, luôn đổi mới về KHCN, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

Về thời gian của khóa học: Các chương trình/ khóa học được thực hiện trọn vẹn một quy trình, chu kỳ sinh trưởng và phát triển... Chương trình khóa học hay chuyên đề có nội dung lớn được chia nhỏ thành các Module và được

tổ chức học theo một trật tự logic với thời gian dài hơn, kết thúc mỗi module, người học đem những kết qủa học được áp dụng vào thực tế công việc, từ đó sẽ thấy được những điều thiếu cần phải được bổ sung để đề xuất, bổ sung cho nội dung học tập của giai đoạn học tiếp theo.

Về quy mô lớp học đào tạo nghề: Để đảm bảo chất lượng dạy và học, và phát huy khả năng tham gia của người học trong quá trình trao đổi kinh nghiệm, kiến thức mỗi lớp học chỉ nên có từ 30-40 học viên.

Đối với nhóm đối tượng nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người nông dân làm việc theo mùa vụ, nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học, vừa làm việc củangười nông dân, hoặc phải lựa chọn thời gian nông nhàn của người dân để tổ chức khoá học cho phù hợp. Mặt khác, do tính đa dạng của vật nuôi, cây trồng nông nghiệp, các khoá học nên được tổ chức gắn với thời kỳ sinh trưởng của vật nuôi, cây trồng. Điều này đòi hỏi việc xây dựng chương trình đào tạo phải rất linh hoạt và khoa học.

2.2.5. Thực trạng lựa chọn hình thức đào tạo nghề

Đào tạo ngắn hạn: Hầu hết các cơ sở dạy nghề trên địa bàn của tỉnh đang thực hiện hình thức dạy nghề ngắn hạn. Thời gian dạy nghề ngắn hạn phù hợp với việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hình thức này hiện nay được nhiều lao động lựa chọn vì ngoài thời gian linh hoạt, có thể từ vài ngày đến vài tháng tùy theo nghề đào tạo còn có nhiều ngành nghề cho họ có thể lựa chọn phù hợp với nhu cầu và khả năng của mình. Ngoài ra hình thức này còn đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thị trường lao động, cũng như nhu cầu có việc làm và có thu nhập của người học nghề. Tuy nhiên, đào tạo ngắn hạn cũng có những mặt hạn chế nhất định. Hạn chế của hình thức này hiện nay là quy mô đào tạo nhỏ, do các trang thiết bị dạy và học nghề ở các cơ sở dạy nghề, đặc biệt là trung tâm dạy nghề còn thiếu, thô sơ, thiếu đồng bộ.

Đào tạo dài hạn: Hình thức này được áp dụng ở các Trung tâm dạy nghề trong toàn tỉnh Hòa Bình thời gian kéo dài từ 18 – 36 tháng tùy theo đối tượng tuyển sinh. Với thời gian học, lao động được đào tạo dưới hình thức này sẽ được học tập một cách bài bản, chuyên sâu hơn để nâng cao tay nghề và có chuyên môn vững vàng.

Tuy nhiên, quy mô đào tạo hiện nay theo hình thức này còn nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của bộ phận lao động thanh niên của địa phương. Một bộ phận lao động nông thôn có nhu cầu nhưng do điều kiện thời gian, kinh phí nên không theo học được. Hình thức này nếu không có sự đầu tư kinh phí, ưu tiên cho bộ phận lao động nông thôn, lao động nghèo… thì sẽ có một bộ phận không nhỏ lao động nông thôn không tiếp cận được.

Theo thống kê thì đào tạo ngắn hạn là hình thức được các học viên lựa chọn nhiều tại tỉnh Hòa Bình.

Chương trình Hỗ trợ kinh phí (chương trình 1956 hoặc hỗ trợ của địa phương). Với hình thức đào tạo này, người lao động sẽ ngân sách nhà nước, địa phương chi trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí đào tạo, các lớp đào tạo được mở ra với số lượng học viên và kinh phí cho phép.

Hình thức dạy nghề lưu động: từ khi Đề án 1956 đi vào triển khai đến nay, hình thức dạy nghề lưu động càng phát huy được hiệu quả. Các TTDN đã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện đào tạo các nghề phi nông nghiệp như: đan mây tre, may công nghiệp, các nghề truyền thống của địa phương,…

Qua nghiên cứu cho thấy, những năm qua các cơ sở dạy nghề đã chủ động mở rộng các hình thức đào tạo nghề nhằm thu hút được người học, đặc biệt đối tượng là những lao động nông thôn. Các hình thức này đang được triển khai tương đối linh hoạt về thời gian và trình độ. Tuy nhiên, xác định được các hình thức dạy nghề phù hợp với đối tượng và điều kiện tình hình cụ

thể của địa phương là vấn đề cần quan tâm và giải quyết sớm. Qua đó, tỉnh cũng đã giải quyết được phần nào các vấn đề: giải quyết việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn lao động… đồng thời giúp cho huyện có bước tăng trưởng kinh tế cao hơn, đảm bảo an sinh xã hội.

2.2.6. Thực trạng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy nghề

Đội ngũ giáo viên cơ hữu của các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT đảm bảo chuẩn về chuyên môn trong đào tạo trình độ sơ cấp, có đầy đủ chứng chỉ nghiệp vụ. Hằng năm giáo viên thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời tham gia đầy đủ các đợt tập huấn do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTBXH tổ chức về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Tính đến năm 2018, toàn tỉnh có 140 cán bộ quản lý dạy nghề, 407 giáo viên và người dạy nghề. Trong đó, có 21 cán bộ làm công tác quản lý dạy nghề thuộc Sở và các Phòng LĐTBXH (20 người trình độ đại học, 01 cao đẳng); 119 cán bộ quản lý tại các cơ sở dạy nghề (01 tiến sỹ, 23 thạc sỹ, 82 đại học, 6 cao đẳng, 5 trung cấp); 274 giáo viên (44 thạc sỹ, 146 đại học, 34 có đẳng, 12 trung cấp).

Bảng 2.6: Tổng hợp đội ngũ giáo viên tại các Trung tâm dạy nghề

Đơn vị tính: Người

TT	Đối tượng	Trình độ chuyên môn			
		Đại học trở lên	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
1	Cán bộ quản lý	24	82	6	5
2	Giáo viên	44	146	32	12

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của tác giả)

Như vậy đội ngũ giáo viên của các Trung tâm dạy nghề có trình độ cao từ Cao đẳng trở lên là 222/234 người (chiếm 94,87%) tổng số giáo viên của các Trung tâm dạy nghề trong tỉnh Hòa Bình. Từ bảng số liệu trên có thể thấy là trình độ của các giáo viên dạy nghề tại các Trung tâm dạy nghề trong toàn tỉnh là khá cao

Có 100% các huyện, thành phố đã bố trí cán bộ theo dõi về công tác giáo dục nghề nghiệp tại Phòng LĐTBXH. Trong đó, có 4/11 huyện (Yên Thủy, Mai Châu, Cao Phong, Tân Lạc) có cán bộ chuyên trách, còn lại bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về công tác giáo dục nghề nghiệp. Có 210 xã, phường, thị trấn bố trí cán bộ văn hóa xã kiêm nhiệm theo dõi, phụ trách công tác đào tạo nghề. Ngoài ra, trong những năm qua các cơ sở dạy nghề đã huy động 64 người là các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề.

Để nâng cao chất lượng công tác theo dõi, quản lý dạy nghề tại địa phương, ngành LĐTBXH đã mở nhiều lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và tư vấn chọn nghề, tìm việc làm cho người lao động cho 1.518 lượt người; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề là 189 giáo viên, cán bộ quản lý. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo còn xây dựng kế hoạch tổ chức tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng.

2.2.7. Thực trạng nguồn kinh phí đào tạo nghề

Bảng 2.7: Kinh phí hoạt động của đề án đào tạo nghề cho LĐTN giai đoạn 2010 -2015; 2016 - 2019

	Nội dung	Năm 2010-2015				Năm 2016-2019			
		Kinh phí (triệu đồng)				Kinh phí (triệu đồng)			
		Tổng số	TW	ĐP	Khác	Tổng số	TW	ĐP	Khác
I	**Dạy nghề cho LĐNT**	**127.327**	**94.849**	**32.478**	**0**	**29.730**	**17.100**	**12.453**	**177**
1	Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT	420	420			0			
2	Điều tra khảo sát sự báo nhu cầu học nghề cho LĐNT	1.380	1.380			0			
3	Thí điểm mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn	0				0			
4	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề	92.360	64.150	28.210		6.199		6.022	177
5	Phát triển chương trình, giáo trình học liệu và xây dựng danh mục nghề	310	310			0			
6	Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý	0				0			

	Nội dung	Năm 2010-2015				Năm 2016-2019			
		Kinh phí (triệu đồng)				Kinh phí (triệu đồng)			
		Tổng số	TW	ĐP	Khác	Tổng số	TW	ĐP	Khác
7	Hỗ trợ LĐNT học nghề	31.976	27.708	4.268		23.273	16.842	6.431	
8	Giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án	881	881			258	258		
II	**Cán bộ công chức xã**	**2.311**	**2.311**	**0**	**0**	**2.700**	**2.700**	**0**	**0**
1	Xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng	0				0			
2	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	2.311	2.311			2.700	2.700		

(Nguồn: Báo cáo ĐTN của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hòa Bình)

Hằng năm Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg tỉnh luôn chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đề án như: rà soát kiện toàn thành viên của Ban chỉ đạo tỉnh *(từ năm 2014 đến 2019 kiện toàn 03 lần)*; rà soát, bổ sung danh mục nghề, chi phí đào tạo và mức hỗ trợ đào tạo *(từ năm 2014 đến 2017 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung 03 lần);* Với những rà soát, điều chỉnh kịp thời trên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban chỉ đạo các huyện, thành phố, các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn hoàn thành tốt kế hoạch tuyển sinh đào tạo, đáp ứng được nhu cầu thực tế đào tạo của người lao động tại các địa phương.

Bảng 2.8: Số liệu tổng kinh phí chi cho đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 – 2015, giai đoạn 2016 -2019

STT	NĂM THỰC HIỆN	TỔNG KINH PHÍ		
		Cộng nguồn TW và địa phương (triệu đồng)	Trung ương (triệu đồng)	Địa phương (triệu đồng)
1	**Giai đoạn 2010-2015**	31.976	27.708	4.268
2	**Giai đoạn 2016-2019**	23.531	17.100	6.431

(Theo số liệu báo cáo của Sở LĐTBXH tỉnh Hòa Bình)

Ngày 15/6/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định 1552/QĐ-UBND về Danh mục nghề, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Theo đó các đối tượng được hỗ trợ gồm: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

Mức hỗ trợ tối đa: 1.900.000đồng/người/khóa đối với Đào tạo cố định; 2.000.000đồng/người/khóa đối với đào tạo lưu động tùy theo từng nghề.

Đối với Người khuyết tật: Mức hỗ trợ tối đa: 3.200.000 đồng/người/khóa, đối với đào tạo cố định, 3.400.000 đồng/người/khóa, đối với đào tạo lưu đông tùy theo từng nghề.

Đối với nghề chưa có trong danh mục nghề và mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này thì mức hỗ trợ như sau:

- Mức hỗ trợ đối với đối tượng không phải người khuyết tật tối đa 600.000 đồng/người/khóa.

-Mức hỗ trợ đối với đối tượng là người khuyết tật mức tối đa là 800.000đồng/người/khóa.

Ngoài mức hỗ trợ về chi phí đào tạo, người lao động còn được hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ tiền đi lại theo Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2.8. Thực trạng đánh giá kết quả đào tạo nghề

2.2.8.1. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hòa Bình

Toàn tỉnh đã tổ chức được 852 lớp dạy nghề theo các trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho 25.734 lao động. Trong đó: 19.043 người có việc làm hoặc vẫn làm nghề cũ nhưng năng suất, thu nhập cao hơn, trong đó:

+ 3.828 người được doanh nghiệp tuyển dụng, chiếm 18% số người có việc làm sau học nghề (lao động được doanh nghiệp tuyển dụng chủ yếu là thuộc các nghề phi nông nghiệp tập trung các nghề như: May công nghiệp, Hàn)

+ 4.441 người được doanh nghiệp nhận tiêu bao sản phẩm, chiếm 21% số người có việc làm sau học nghề (số lao động này chủ yếu tham gia học các nghề tiêu thủ công nghiệp như: Chổi chít, Mây tre, giang đan xuất khẩu, Thêu tay, Thêu zen, Thêu dệt thổ cẩm).

+ 13.358 người tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên, chiếm 62% số người có việc làm sau học nghề (số lao động này chủ yếu là học các nghề nông nghiệp như: Trồng trọt, chăn nuôi…).

ĐTN cho LĐNT đạt 74% đạt mục tiêu đề ra (trên 70% số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề); có 16.470 lao động là nữ chiếm 64%; dân tộc thiểu số là 22.778 người chiếm 88,5%; 13.558 người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp, chiếm 52,6%; 12.176 người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp, chiếm 47,4%; 41 người được hỗ trợ học nghề thuộc diện được

hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chiếm 0,15%; 433 người được hỗ trợ học nghề là người khuyết tật, chiếm 1,7%; 930 người thuộc hộ nghèo, chiếm 3,6%; 99 người được hỗ trợ học nghề thuộc hộ cận nghèo, chiếm 3,8 %; 189 người bị thu hồi đất được hỗ trợ học nghề, chiếm 7,3%; 1.759 người thuộc đối tượng lao động nông thôn khác được hỗ trợ học nghề, chiếm 6,8%.

Hiện nay, các cơ quan có chức năng đã triển khai tương đối tốt việc đào tạo nghề theo vị trí việc làm đối với nghề may tại một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (Công ty May Việt Hàn, Công ty may xuất khẩu 3/2, Công ty cổ phần may xuất khẩu Sông Đà…). Trong 5 năm, đã đào tạo được cho 2.486 lượt người.

Tỉnh đã đào tạo nghề cho gần 16.500 lao động là nữ; gần 23.000 người dân tộc thiểu số; 41 người được hỗ trợ học nghề thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; 433 người được hỗ trợ học nghề là người khuyết tật; hơn 1.100 người được hỗ trợ thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo và gần 190 người được hỗ trợ học nghề theo diện đối tượng bị thu hồi đất. Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn được nâng lên. Người lao động sau học nghề đã biết cách tiếp cận và vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ. Một số lao động có tay nghề đã được nhận vào làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất…

Bảng 2.9: Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 – 2015, giai đoạn 2016 -2019

STT	NĂM THỰC HIỆN	TỔNG SỐ NGƯỜI (người)	TỔNG SỐ LỚP (lớp)	CHIA THEO NHÓM NGHỀ			
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp	
				Số lớp (lớp)	Số người (người)	Số lớp (lớp)	Số người (người)
1	**Giai đoạn 2010-2015**	**25.580**	**851**	426	13.178	425	12.402
2	**Giai đoạn 2016-2019**	**12.316**	**424**	228	7.067	196	5.249

(Theo Báo cáo của Sở LĐTBXH tỉnh Hòa Bình)

Bảng 2.10 Bảng số liệu LĐNT có việc làmchia theo loại hình công việc

Đơn vị tính: Người

TT	Loại hình công việc	Giai đoạn 2010 – 2015	Giai đoạn 2016 - 2019
1	Tổng số LĐNT có việc làm sau đào tạo	21.442	17.072
2	LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	3.248	3.373
3	LĐNT được doanh nghiệp nhận bao tiêu sản phẩm	4.345	1.388
4	LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	13.811	11.897
5	LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất	38	414

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả)

Từ kết quả điều tra thực tế cho thấy: sau khi hoàn thành khóa học đào tạo nghề, LĐNT họ có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc từ phía các doanh nghiệp. Có thể nhận thấy, trong số NLĐ có việc làm sau đào tạo có khoảng gần 40% số lao động đã được doanh nghiệp tuyển dụng ký hợp đồng, hoặc được doanh nghiệp đồng ý nhận bao tiêu các sản phẩm cho NLĐ. Ngoài

ra việc được đào tạo cũng làm cho năng suất lao động và thu nhập của NLĐ cũng được tăng lên. Hiệu quả sau đào tạo nghề cho LĐNT có thể thấy rõ, đang dần đáp ứng được đúng mục tiêu của chương trình đào tạo nghề "Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của LĐNT; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn"**[18, tr.02].**

Bảng 2.11: Bảng số hộ gia đình thoát nghèo và số hộ có thu nhập khá có người tham gia học nghề

TT	Nội Dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2010 – 2015	Giai đoạn 2016 - 2019
1	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	Hộ	1.280	1.036
2	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	Hộ	872	1.608

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả)

Theo đó, số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo và số hộ có thu nhập khá là khá cao, góp phần vào mục tiêu chung của Chương trình xóa đói giảm nghèo trên toàn tỉnh.

Qua thống kê của tác giả về học viên tham gia học nghề trong giai đoạn từ 2010 – 2019 có 38.514 LĐNT có việc làm sau đào tạo đạt 87,3% gồm: 6.621 LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng, chiếm 17,1% so với số người có việc làm; 5.733LĐNT được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, chiếm 14.9% so với người có việc làm; 25.708 LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn (tự tạo việc làm) chiếm 66.8 % so với người có việc làm; 452 ngườiLĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất chiếm 1.2 %

Bảng 2.12: Tỷ lệ lao động có việc sau khi được đào tạo nghề giai đoạn 2010-2019

Đơn vị tính: Người

TT	Ngành nghề đào tạo	Giai đoạn 2010 - 2015		Giai đoạn 2016 - 2019	
		Số LĐNT được đào tạo	Số LĐNT có việc làm sau đào tạo	Số LĐNT được đào tạo	Số LĐNT có việc làm sau đào tạo
1	Nông nghiệp	13.178	11.850	10.268	9.035
2	Tỷ lệ %giữa LĐ có việc làmso với số LĐ được đào tạo	89.9		87.9	
3	Phi nông nghiệp	12.402	9.592	8.299	8.037
4	Tỷ lệ %giữa LĐ có việc làmso với số LĐ được đào tạo	77.4		96.8	

(Nguồn: kết quả tổng hợp của tác giả)

Qua bảng số liệu trên ta có thể nhận thấy tỷ lệ lao động sau đào tạo có việc làm là khá cao. Số lao động có việc làm của nghành phi nông nghiệp tăng khá cao.Đối với nghề nông nghiệp: do học viên đều có diện tích đất để sản xuất nông nghiệp, có vườn cây nên các học viên sau khi kết thúc khóa học nghề đã áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học vào ngay trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp của gia đình nên có tỷ lệ cao ngay sau khi được đào tạo nghề.

2.2.8.2.Thực trạng đánh giá, giám sát kết quả đào tạo nghề

- Tỷ lệ người lao động sử dụng kiến thức đã học vào công việc

Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của các chuyên gia về phát triển tài liệu, cán bộ có nghiệp vụ chuyên môn, giáo viên có trình độ và kinh nghiệm giảng dạy và các các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Các chương trình đào tạo được xây dựng theo phương pháp mới này không những phù hợp chương trình khung quy định của Nhà nước và chính sách quốc gia về đào tạo nghề đồng thời nó cũng bám sát thực tiễn sản xuất và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động. Nội dung, thời gian dành cho mỗi môn học, tỷ lệ kiến thức giữa lý thuyết và thực hành được thiết kế hợp lý, phù hợp với yêu cầu của từng nghề đào tạo.

Bảng 2.13: Đánh giá mức độ người lao động sử dụng kiến thức đã học vào công việc

Mức độ sử dụng kiến thức đã học	**Đối với người học**		**Đối với Giáo viên, CB quản lý**	
	Tổng số (người)	%	Tổng số (người)	%
Tổng cộng	**150**	**100**	**40**	**100**
Sử dụng trên 75% kiến thức đã học	63	42	12	30
Sử dụng 50% - 75% kiến thức đã học	54	36	18	45
Sử dụng 25% - 50% kiến thức đã học	30	20	8	20
Sử dụng <25% kiến thức đã học	3	2	2	5

(Nguồn: kết quả tổng hợp của tác giả)

Với người học tham gia khóa học đã đánh giá: Với kiến thức được tiếp thu trong khóa học đã giúp ích nhiều cho công việc của họ. Trong đó 117 người chiếm 78% cho rằng sử dụng được từ 50-70% kiến thức đã và sẽ học được áp dụng vào công việc. Chỉ có 03 người chiếm 2% cho rằng chỉ sử dụng dưới 25% kiến thức đã học vào công việc.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các giáo viên và cán bộ quản lý thì với nội dung, chương trình đào tạo đó thì còn nhiều nội dung đào tạo chưa sát với thực tế và nhu cầu sử dụng của các đơn vị sử dụng lao động. Có 18/40 (chiếm

45%) cho rằng người lao động mới chỉ được sử dụng một phần kiến thức đã học vào công việc . Có thể thấy chương trình đào tạo vẫn còn những nội dung chưa sát với nhu cầu thực tế mà doanh nghiệp đang cần.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của học viên sau khi kết thúc khóa học

Bảng 2.14: Đánh giá của cán bộ quản lý dạy nghề với học viên được đào tạo nghề

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc				
		Rất thấp	Thấp	Trung bình	Khá	Tốt
1	Kiến thức chuyên môn	0	15,3	10,8	43,3	30,6
2	Kỹ năng thực hành	0	11,8	36,0	41,7	10,5
3	Khảnăngphốihợp,làmviệc nhóm	0	15,2	38,6	35,4	10,8
4	Khảnănggiảiquyếtcáctình huống	0	19,1	39,9	27,3	13,7
5	Khảnăngtiếpcận công nghệ, thiết bị mới	15,6	17,5	34,8	26,4	5,7

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của học viên)

Theo đánh giá tác giả, sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghề, họcviên có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc chủ yếu dừng ở mức trung bình và khá là chiếm đa số. Học viên đạt mức trung bình khá trở lên. Trong đó, khả năng thực hành đạt từ mức trung bình khá chiếm 88,2%; Khả năng làm việc nhóm đạt mức trung bình khá trở lên là: 84.8%; Khảnăng giải quyết các tình huống: đạt mức trung bình khá trở lên là: 80,9%. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận công nghệ, thiết bị mới với mức đánh giá rất thấp và thấp chiếm tới 33,1%.

Điều này chứng tỏ, kết thúc khóa học, chất lượng lao động từng bước được nâng cao, học viên dần đáp ứng yêu cầu công việc, thực tiễn sản xuất.

Một số kỹ năng cần được đào tạo thêm như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tiếp cận công nghệ, thiết bị mới, khả năng sáng tạo…. Việc đánh giá kết quả đào tạo và chương trình đào tạo cần được thực hiện dưới nhiều góc độ.

- **Đánh giá từ phía giáo viên tham gia dạy nghề**

Bảng 2.15: Kết quả điều tra ý kiến của giảng viên và cán bộ quản lý

TT	Nội dung	Người	Tỷ lệ %
1	Số Giảng viên và Cán bộ quản lý	**40**	**100**
2	Cơ sở vật chất của TT dạy nghề chưa đáp ứng được với yêu cầu đào tạo	18	45
3	Thực tập tại các DN là việc cần thiết	40	100
4	Cần phát triển đa dạng nghề, nhiều bậc học	34	85
5	Kết hợp phát triển đào tạo nghề và tạo việc làm, nâng cao tay nghề là việc làm cần thiết	40	100

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả)

Qua điều tra, phần lớn giảng viên và cán bộ quản lý cho rằng điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo; thiếu trang thiết bị hiện đại, đồng bộ. 100% giảng viên được hỏi ý kiến cho rằng việc kết chặt chẽ giữa dạy nghề và tạo việc làm và nâng cao tay nghề là rất cần thiết; 100% giảng viên và cán bộ quản lý cho rằng sự cân đối giữa dạy tại Trung tâm dạy nghề và trực tiếp xuống các công ty, xí nghiệp thực tập là rất hợp lý. Việc mở thêm nhiều ngành học, đào tạo nhiều cấp học (sơ cấp nghề; trung cấp nghề; cao đẳng nghề…) là rất cần thiết với các Trung tâm dạy nghề.

- **Đánh giá kết quả đào tạo nghề từ phía học viên học nghề**

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế thông qua bảng hỏi. Cụ thể đã thu về 150 phiếu điều tra cho người lao động nông thôn. Kết quả xử lý cho thấy sự hài lòng của học viên đối với giáo viên ở các Trung tâm dạy nghề

Bảng 2.16: Đánh giá đội ngũ giáo viên tham gia dạy nghề

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá									
	Rất không hài lòng		Không hài lòng		Bình thường		Hài lòng		Hoàn toàn hài lòng	
	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%
Giáo viên làm việc nghiêm túc, tận tình hướng dẫn học viên	0	0	0	0	19	12,7	42	28	89	59,3
Giáo viên có chuyên môn sâu và kiến thức rộng, gâyhứngthú cho học viên trong giờ học	0	0	0	0	22	14,6	37	24,7	91	60,7

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả)

Với kết quả nhận được từ việc tham khảo ý kiến của học viên sẽ là cơ sở để các đơn vị dạy nghề cần quan tâm, đầu tư hơn trong cơ sở vật chất, cung cấp các tài liệu học tập và trang, thiết bị phục vụ giảng dạy cho các khóa học tiếp theo, đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất cho cả người dạy và học để mang lại hiệu quả học tập.

- Đánh giá, giám sát từ phía cơ quan quản lý đào tạo nghề

Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn được chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo thực hiện.

Ngày 24/9/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 68-KH/TU về giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020", trong đó lồng ghép nội dung giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Chỉ thị số 19-CT/TW.

Trong 5 năm (2012 - 2017), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện 07 đợt khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh nói chung trong đó có nội dung kiểm tra, khảo sát tình hình tổ chức thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW. Định kỳ 6 tháng, hằng năm các địa phương, cơ quan, đơn vị có báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, nhất là Chỉ thị số 19-CT/TW.

Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh đã thực hiện nhiều đợt thanh tra, kiểm tra chuyên đề về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" của tỉnh định kỳ 6 tháng và hằng năm đều tổ chức sơ kết; bình quân mỗi năm có khoảng 20 đoàn kiểm tra, giám sát các cấp: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động đối với các huyện, thành phố; Ban Chỉ đạo cấp huyện thực hiện kiểm tra, giám sát các xã; cấp xã kiểm tra, giám sát đối với tất cả các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Qua đó, kịp thời đánh giá những kết quả đạt được, phát hiện những tồn tại, yếu kém trong quá trình thực hiện, để đề xuất giải pháp tháo gỡ.

2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hòa Bình

2.3.1. Thực trạng cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn

Tính đến cuối tháng 12 năm 2019, toàn tỉnh có 39 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: 05 Trường cao đẳng (02 trường trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 03 trường thuộc Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch quản lý); 02 Trường trung cấp nghề; 10 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyêncấp huyện; 04 Trung tâm dạy nghề thuộc các hội, đoàn thể; 02 Trung tâm dạy nghề tư thục và 16 cơ sở khác có dạy nghề (bao gồm các trường cao

đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, doanh nghiệp và hợp tác xã, cótham gia dạy nghề) và 210 Trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn.

Số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn gồm: có 02 trường cao đẳng; 02 trường trung cấp; 10 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 12 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 05 doanh nghiệp, Hợp tác xã.

Đã có 7/10 Trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thông qua Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg. Có 10/10 Trung tâm được đầu tư trang thiết bị cho các nghề có trình độ sơ cấp như: Điện dân dụng, may công nghiệp, tin học, hàn, sửa chữa xe máy, sửa chữa máy nông nghiệp, điện công nghiệp, thợ nề, chổi chít, điện tử, cơ khí hàn,… Hiện nay số thiết bị này đã được các cơ sở dạy nghề đưa vào sử dụng trong giảng dạy đúng mục đích và có hiệu quả nhất định.

Bảng 2.17: Danh sách cơ sở dạy nghề được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề

TT	Tên Cơ sở dạy nghề được đầu tư	Giai đoạn (2010-2015)			Giai đoạn (2016-2019)		
		Tổng số	KPTW	KPĐP	**Tổng số**	KPTW	KPĐP
	Tổng cộng	**92.360**	**64.150**	**28.210**	**6.022**	**0**	**6.022**
1	**TT GDNN-GDTX huyện Lương Sơn**	**20.413**	**1.300**	**19.113**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	19.113		19.113	0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	1.300	1.300		0		
2	**TT GDNN-GDTX huyện Tân Lạc**	**14.000**	**14.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	11.000	11.000		0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	3.000	3.000		0		
3	**TT GDNN-GDTX huyện Lạc Sơn**	**17.150**	**11.650**	**5.500**	**3.822**	**0**	**3.822**

TT	Tên Cơ sở dạy nghề được đầu tư	Giai đoạn (2010-2015)			Giai đoạn (2016-2019)		
		Tổng số	KPTW	KPĐP	**Tổng số**	KPTW	KPĐP
	Đầu tư cơ sở vật chất	14.650	9.150	5.500	3.822		3.822
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	2.500	2.500		0		
4	**TT GDNN-GDTX huyện Yên Thuỷ**	**12.000**	**10.500**	**1.500**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	9.500	8.000	1.500	0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	2.500	2.500		0		
5	**TT GDNN-GDTX huyện Đà Bắc**	**12.357**	**12.000**	**357**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	9.857	9.500	357	0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	2.500	2.500		0		
6	**TT GDNN-GDTX huyện Kim Bôi**	**3.000**	**3.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	500	500		0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	2.500	2.500		0		
7	**TT GDNN-GDTX huyện Cao Phong**	**8.000**	**6.500**	**1.500**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	8.000	6.500	1.500	0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	0			0		
8	**TT GDNN-GDTX huyện Lạc Thuỷ**	**740**	**500**	**240**	**2.200**	**0**	**2.200**
	Đầu tư cơ sở vật chất	240		240	2.200		2.200
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	500	500		0		
9	**TT GDNN-GDTX huyện Mai Châu**	**2.700**	**2.700**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	0			0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	2.700	2.700		0		
10	**TT GDNN-GDTX huyện Kỳ Sơn**	**2.000**	**2.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Đầu tư cơ sở vật chất	0			0		
	Mua sắm thiết bị dạy nghề	2.000	2.000		0		

(Nguồn: Báo cáo ĐTN của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hòa Bình)

Bảng 2.18: Bảng đánh giá của học viên học nghề về cơ sở vật chất phục vụ các lớp đào tạo nghề

STT	Nội dung	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tổng số học viên được điều tra	150	100	
2	Tốt	41	27,3	
	Khá	87	58,0	
	Trung bình	22	14,6	
	Kém	0	0	

(Nguồn: kết quả điều tra của tác giả)

Qua đánh giá của học viên học nghề đã tham gia lớp đào tạo nghề cho thấy, cơ sở vật chất phục vụ các lớp ĐTN đã đáp ứng được phần nào việc dạy và học. Đa số học viên được hỏi về cơ sở vật chất phục vụ các lớp ĐTN và đánh giá ở mức độ khá trở lên là những người đã tham gia các lớp ĐTN được thực hiện ở các cấp huyện trở lên.

2.3.2.Thực trạng chính sách của nhà nước và địa phương

* Chính sách của nhà nước

Nhiều nghị định, thông tư và các văn bản liên quan đến công tác đào tạo nghề cho người lao động được ban hành và triển khai sâu rộng trong cả nước. Trong đó đặc biệt quan tâm đến đối tượng là người lao động nông thôn.

Ngày 27/11/2009, Quyết định số 1956/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ đã được ban hành về việc phê duyệt "Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020". Cùng với đó, một loạt các văn bản liên quan đã được ban hành hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ như: Thông tư số liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNTBTC-BTTTT ngày 12/12/2012 của liên bộ Bộ

Lao động – TBXH, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công thương và Bộ Thông tin và truyền thông về hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thônđến năm 2020"; Thông tư số 31/2010/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2010 của Bộ Lao động – TBXH hướng dẫn xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình

* Đường lối chủ trương chính sách của tỉnh Hòa Bình

Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020,tỉnh Hòa Bình;

Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cholao động nông thôn đến năm 2020,tỉnh Hòa Bình;

Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cholao động nông thôn đến năm 2020,tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục nghề và mức hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôntheo Quyết định số 1956/Đ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Quyết số 1552/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục nghề, mức hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Quyết định số 46/Đ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao";

Kế hoạch số 112/KH-UBND, ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016, giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 09/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2017-2020 tỉnh Hòa Bình.

- Văn bản chỉ đạo điều hành về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Chỉ thị số 38 -CT/TU ngày 14/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 14/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Công văn số 518/UBND-TCTM ngày 04/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Ban hành các cơ chế chính sách đặc thù của địa phương

Để tăng cường thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp đầu tư vào Hòa Bình, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động -Thương binh và Xã hội phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, nghiên cứu đề xuất, trình

UBNDtỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tại Quyết số 1454/QĐ-UBND ngày 03/6/2016.

Với nội dung chính doanh nghiệp sử dụng từ 10 đến dưới 100 lao động thì được hỗ trợ 300.000 đồng/lao động; sử dụng từ 100 đến dưới 1.000 lao động: 500.000 đồng/lao động; sử dụng từ 1.000 lao động trở lên: 1.000.000 đồng/lao động. Đây là một trong những chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động được tuyển từ khu vực nông thôn như ngành may mặc xuất khẩu, sản xuất linh kiện điện tử. Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã hỗ trợ cho 1.501 lao động với tổng kinh phí: 750,5 triệu đồng.

Tuy nhiên, qua thời gian triển khai thực hiện chính sách, bên cạnh những kết quả, thì cũng còn bộc lộ nhiều bất cập, mức hỗ trợ còn thấp so với chi phí đào tạo; chất lượng đào tạo nhìn chung còn thấp, quy mô, số lượng đào tạo còn ít so với nhu cầu nâng cao chất lượng lao động nông thôn.

2.3.3. Thực trạng nhận thức của xã hội về đào tạo nghề

Thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư khóa XI về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn", công tác truyền thông, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn được thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự cần thiết của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tỉnh Hòa Bình và Sở Thông tin và Truyền thông của tỉnh Hòa Bình đã thường xuyên chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở triển khai công tác tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân về các chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước; ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; những nội dung cơ bản của Chỉ thị số 19-CT/TW; Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn"; những mô hình dạy nghề có hiệu quả,... Theo đó, Báo Hòa Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự: Chương trình đào tạo nghề, chương trình phát triển nguồn nhân lực, chương trình khoa giáo về kỹ năng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, các nghề tiểu thủ công nghiệp, công tác chuyển giao kỹ thuật - công nghệ,... Trang Website Tỉnh ủy, Cổng thông tin điện tử tỉnh đã đăng tải nhiều tin, bài về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh. Hệ thống truyền thanh cơ sở các huyện, thành phố xây dựng được nhiều bản tin, chuyên mục tuyên truyền trên sóng phát thanh về công tác đào tạo nghề và những chính sách hỗ trợ phát triển, đào tạo nghề cho lao động nông thôn,... Đến nay đã có hơn 1.000 tin, bài, phóng sự; 1.100 cuốn tập san Hòa Bình toàn cảnh và trên 70 số Bản Thông tin sinh hoạt chi bộ hằng tháng có đăng tải các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và đưa tin, bài về chủ đề xây dựng nông thôn mới và đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cán bộ làm công tác lao động thương binh và xã hội, cán bộ là trưởng thôn, bản, bí thư chi bộ,... về kỹ năng tổ chức, quản lý triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; kỹ năng tuyên truyền, tư vấn đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động cho người lao động; các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề.

Đồng thời xây dựng chuyên mục tuyên truyền, tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm trên Cổng thông tin điện tử của Sở LĐTBXH.

Tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tích cực lồng ghép tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về dạy nghề cho lao động nông thôn vào các phong trào thi đua như: Phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"; phong trào "Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; phong trào thanh niên "Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc" và "Đồng hành với thanh niên lập thân lập nghiệp",...

Công tác tuyên truyền được Ban chỉ đạo tỉnh, Ban chi đạo các huyện, thành phố quan tâm thường xuyên dưới nhiều hình thức: qua phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hội nghị tập huấn, hội nghị lồng ghép của Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên để phổ biến đến các hội viên về các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực dạy nghề cho lao động nông thôn.

Bảng 2.19: Chính quyền các cấp hỗ trợ tìm việc làm cho LĐNT

TT	Nội dung	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Số lao động nông thôn được điều tra bằng bảng hỏi	150	100	
01	Được cung cấp thông tin về doanh nghiệp cần tuyển lao động	106	70,6	
02	Được cung cấp địa chỉ để được tư vấn, giới thiệu việc làm	128	85,3	
03	Được trực tiếp tư vấn giới thiệu việc làm	59	39,3	
04	Được cung cấp các thông tin khác	132	88,00	

(Nguồn: kết quả điều tra bằng bảng hỏi của tác giả)

Qua số liệu ở bảng trên cho thấy, tỷ lệ người được cung cấp thông tin về cơ sở cần tuyển LĐ và thông tin việc làm đều đạt tỷ lệ cao, đặc biệt số được giới thiệu địa chỉ tư vấn về việc làm chiếm tỷ lệ 91,11% so với tổng số người đượchỏi. Điều đó chứng tỏ các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở đã quan tâm đến việc tìm việc và giới thiệu việc làm cho người lao động sau đào tạo, số còn lại chưa được biết thông tin từ chính quyền chủ yếu là do chưa muốn tìm việc hoặc không có mặt tại địa phương.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao cho Phòng LĐTBXH, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Trung tâm học tập Cộng đồng các xã, thị trấn trong công tác tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách phát luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Phối hợp với Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện trong việc viết bài, đưa tin, tuyên truyền về các lớp đào tạo nghề, lớp chuyên đề và lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật.

Tuyên truyền những chế độ chính sách, chế độ ưu đãi của Chính phủ tới người dân trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từ đó nâng cao nhận thức cho người dân trong việc học nghề và giải quyết việc làm nghề sao cho hiệu quả. Từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi đem lại năng suất, chất lượng cao.

2.3.4. Thực trạng tốc độ đô thị hóa

Trải qua hai thập kỷ, tỷ lệ số dân thành thị của tỉnh Hòa Bình liên tục tăng, sau 20 năm, tỷ lệ dân số thành thị tăng 2,3 điểm phần trăm, từ 13,4% năm 1999 lên 15,7% năm 2019. Tốc độ tăng dân số thành thị bình quân năm giai đoạn 2009 – 2019 chỉ đạt 0,08% năm, thấp hơn tốc độ tăng dân số thành thị của giai đoạn 1999 – 2009 là 0,16% năm. Tuy có sự gia tăng về quy mô

dân số và tốc độ tăng dân số đô thị nhưng tỷ trọng dân số đô thị của tỉnh Hòa Bình vẫn ở mức thấp (15,7%), trong khi đó một số tỉnh khu vực lân cận có tỷ trọng dân số đô thị cao hơn là Yên Bái (19,8%), Lai Châu (17,8%), Thái Nguyên (31,9%).

Tại tỉnh Hòa Bình, những tác động tiêu cực mà quá trình đô thị hóa mang lại là vấn đề mất đất nông nghiệp để xây dựng các khu đô thị, các công trình công cộng... Mất đất đồng nghĩa với việc người nông dân không có việc làm, trong khi họ chỉ quen với công việc nhà nông, chưa có những kỹ năng cần thiết để có thể làm những công việc khác trong xã hội. Không chỉ ảnh hưởng đến bản thân người nông dân mà điều này còn khiến con em của những người nông dân cũng mất đi cơ hội có việc làm trong khu vực nông nghiệp, được làm việc trên chính mảnh đất của gia đình.

Ngày 04/12/2017, UBND tỉnh Hòa Bình đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hòa Bình đến năm 2020 đạt tỷ lệ đô thị hóa 25%, nhằm rà soát đánh giá chất lượng đô thị và định hướng đầu tư phát triển đô thị.

Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015 – 2020 đã nhận định việc phát triển đô thị, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh là một yêu cầu cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, nâng cao mức sống của người dân.

Từ đầu năm 2015, tỷ lệ đô thị hóa tỉnh Hòa Bình là 14,53%. Mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa là 25%. Như vậy, bình quân hàng năm cần đạt được chỉ tiêu tăng thêm 2,1%. Tính đến tháng 6/2019, chỉ tiêu đô thị hóa tỉnh Hòa Bình đã đạt ở mức 22% và dự kiến đến hết năm 2019 ước đạt 23,01%. Như vậy, ước tính đến hết năm 2019 sẽ hoàn thành 80,1% chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ của tỉnh đã giao.

Để đạt được kết quả trên, UBND tỉnh đã chỉ đạocác cơ quan chủ trì, phối hợp giữa các huyện, thành phố xây dựng, hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hòa Bình. Theo đó, có 9 đô thị mở rộng địa giới hành chính và tăng thêm về quy mô dân số bao gồm: Thành phố Hòa Bình sáp nhập với huyện Kỳ Sơn sẽ tăng thêm đơn vị hành chính cấp phường; thị trấn Đà Bắc mở rộng diện tích đô thị 9,52km2 và dân số đô thị tăng thêm 2.125 người; thị trấn Bo mở rộng diện tích đô thị 12,64km2, dân số đô thị tăng thêm 11.466 người; thị trấn Vụ Bản mở rộng diện tích đô thị 11,31km2, dân số đô thị tăng thêm 4.805 người; huyện Lạc Thủy có 02 thị trấn diện tích tăng thêm khi sắp xếp 32,84km2, dân số đô thị tăng thêm 6.862 người; huyện Tân Lạc có thị trấn Mường Khến mở rộng và đổi tên thành thị trấn Mãn Đức có diện tích đô thị tăng thêm 36,01km2, dân số đô thị tăng thêm 9.827 người; huyện Yên Thủy mở rộng diện tích đô thị 29,93km2, dân số đô thị tăng thêm 6.086 người.

2.4. Đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

2.4.1. Ưu điểm

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có chuyển biến tích cực. Từ chỗ người dân học theo phong trào, học chỉ để cho biết chuyển sang học nghề để tìm việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, để nắm vững khoa học kỹ thuật, ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, có năng suất thu nhập cao hơn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; sự tham gia phối hợp của các đoàn thể trong tỉnh đối với công tác đào tạo nghề ngày càng hiệu quả. Số người có nhu cầu và đăng ký học nghề tăng qua các năm. Số lao động nông thôn học xong có việc làm đạt trên 74% (chỉ tiêu đặt ra là 70%). Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn được nâng lên, về cơ bản người lao động sau học nghề đã biết cách tiếp cận và vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất

lao động, tạo việc làm tại chỗ. Một số lao động có tay nghề đã được nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất,… Từ đó nâng cao thu nhập cho bản thân, ổn định cuộc sống, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và giảm nghèo bền vững trong khu vực nông thôn.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.4.2.1. Hạn chế

Nhận thức chưa sâu sắc của một số chính quyền cơ sở về vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn để chuyển đổi ngành nghề, phát triển kinh tế; chưa tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia học nghề.

Chỉ tiêu về số lượng người lao động được đào tạo nghề chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu của phát triển, đặc biệt là những ngành nghề mới phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, chưa thực sự gắn với quy hoạch phát triển sản xuất; còn một bộ phận người lao động chưa áp dụng được nghề đã được đào tạo vào thực tiễn công việc.

Đào tạo nghề chưa thực sự gắn kết được với tiêu chí tuyển dụng của doanh nghiệp, chưa theo kịp về công nghệ và kỹ năng mềm cần thiết; chưa tổ chức khảo sát toàn diện về nhu cầu học nghề trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, giáo dục nghề nghiệp còn dàn trải, một số nơi không quản lý hiệu quả hoặc không sử dụng được dẫn đến lãng phí. Trang thiết bị, máy móc cũ hư hỏng nên kỹ năng thực hành sau học nghề đạt thấp. Đa số các thiết bị được đầu tư đã lâu, hàng năm chưa có kinh phí cho việc sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên nên nhiều thiết bị đã xuống cấp.

Đội ngũ giáo viên cơ hữu còn thiếu về số lượng, thiếu kinh nghiệm thực tế sản xuất; chế độ phụ cấp cho giáo viên sau sáp nhập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên còn vướng mắc chưa được giải quyết.

Mức kinh phí hỗ trợ còn thấp, dàn trải, quá trình giao kinh phí hỗ trợ còn chậm, việc vay vốn phát triển sản xuất sau đào tạo còn khó khăn.

Một số người lao động sau khi học nghề vận dụng kiến thức đã học vào thực tế còn hạn chế; một bộ phận chưa duy trì được nghề lâu dài do thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định.

2.4.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Chưa có điều kiện xây dựng các chương trình đào tạo thời gian dài cho các nghề phi nông nghiệp, dẫn đến chất lượng đào tạo còn hạn chế, người lao động sau đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Việc liên kết với các doanh nghiệp chưa nhiều; Đối với nhóm nghề nông nghiệp, việc đào tạo tập trung ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất từ đó giảm số lượng người tham gia học tập.

Nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên việc bố trí kinh phí cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cấp cơ sở vật chất chưa nhiều. Mới chi đầu tư cơ sở đạt 28.210 triệu đồng và hỗ trợ người học 12.982 triệu đồng. Chưa chi mua sắm thiết bị dạy nghề

Công tác dự báo nhu cầu đào tạo chưa sát.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về dạy nghề chưa sâu rộng, nhiều hoạt động chưa đến được với người dân do nhận thức của người dân về học nghề còn hạn chế, chưa thật sự quan tâm.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa bàn miền núi chậm do đó thu hút lao động sang khu vực phi nông nghiệp thấp, số lao động tham gia đào tạo nghề phi nông nghiệp không cao. Một số nghề nông nghiệp chủ yếu thì đã được mở lớp liên tục nên số người đăng ký học ít.

Đối với các Trung tâm sau sáp nhập đã bộc lộ những hạn chế: Trang thiết bị đào tạo còn thiếu và lạc hậu; đội ngũ giáo viên cần được đào tạo, bồi dưỡng lại.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

3.1. Các quan điểm, định hướng, mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

3.1.1. Dự báo về xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2020 - 2025

Trên cơ sở những thành tựu phát triển kinh tế trong những năm qua, phát huy được những tiềm năng, thế mạnh của huyện, dự báo trong những năm tới, kinh tế của huyện tiếp tục đạt được những thành tựu như: Duy trì tốc độ phát triển kinh tế đạt 18%/năm trở lên, cơ cấu kinh tế với giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ chiếm tỷ trọng chủ yếu, các kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, đáp ứng được với yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng các khu, cụm công nghiệp hiện có trên địa bàn để thu hút đầu tư, giải quyết việc làm. Để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, công tác đào tạo nghề trong thời gian tới cần phải đạt được các yêu cầu:

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng lao động phi nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh có cơ cấu lao động trong các lĩnh vực là: Công nghiệp, TTCN, xây dựng là: 35%; Dịch vụ: 30%; Nông - lâm - thủy sản: 30%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 60% trở lên.

- Bình quân hàng năm đào tạo nghề cho 2.500 LĐNT để đến năm 2020, lao động trong các ngành phi nông nghiệp chiếm 65%; LĐ được đào tạo chiếm 60%.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập của lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phục vụ mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế xã hội

3.1.2. Quan điểm về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đào tạo nghề cho LĐNT là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng LĐNT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của LĐNT nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đào tạo nghề cho LĐNT theo nhu cầu của người học nghề và yêu cầu của thị trường lao động, kế hoạch phát triển KT - XH của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho LĐNT theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho LĐNT tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến về mặt chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực KT - XH ở xã phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

3.1.3. Định hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thay đổi nhận thức từ người dân về đào tạo nghề để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp sản xuất phải được coi là nguồn lực quan trọng đầu tiên nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và nâng cao đời sống của người lao động.

Xây dựng hệ thống, mạng lưới dạy nghề hiện đại, linh hoạt để đào tạo nhân lực kỹ thuật đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường việc làm. Nâng cao trình độ học vấn, kiến thức, kỹ năng và văn hóa nghề nghiệp để người học có

năng lực sáng tạo, tiếp nhận và làm chủ được kỹ thuật công nghệ hiện đại trong sản xuất và từng bước chuẩn bị nguồn nhân lực kỹ thuật tiếp cận với nền kinh tế tri thức.

Dạy nghề góp phần giải quyết một số khó khăn của thị trường lao động hiện nay, tình trạng thiếu việc làm nhưng vẫn phải nhập khẩu lao động trình độ cao của nước ngoài, ưu tiên đầu được vào những nghề mũi nhọn. Đổi mới dạy nghề cần tính tới đáp ứng nhân lực làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế, xu thế dịch chuyển nhân lực quốc tế và xu thế xuất khẩu lao động tại chỗ.

3.1.4. Mục tiêu

Đào tạo lao động nông thôn để đáp ứng nhu cầu lao động cho các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, tập trung đào tạo cho người lao động nông thôn kỹ thuật sản xuất rau an toàn, kỹ thuật trồng cây ăn quả có múi, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi cá lồng để thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Hòa Bình, gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới và các nghề phi nông nghiệp nhằm tự tạo việc làm và cung ứng cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Đối tượng: Ưu tiên đào tạo ở vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các dự án sản xuất, nông dân tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp; ưu tiên các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ, người khuyết tật, người thuộc hộ bị thu hồi đất.

- Giai đoạn 2021 – 2025: kế hoạch tổ chức và tuyển sinh đào tạo cho khoảng 75.000 người, trong đó: trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp 12.000 người, trình độ sơ cấp 32.000 người, dạy nghề dưới 3 tháng 31.000 người. Phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 63%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 25%.

- Giai đoạn 2026 – 2030 kế hoạch tổ chức và tuyển sinh đào tạo cho khoảng 80.000 người, trong đó: trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp: 14.000 người; trình độ sơ cấp 34.000 người; dạy nghề dưới 3 tháng 32.000 người.

3.2. Một số giải pháp đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Để các hoạt động đào tạo nghề cho nông dân và LĐNT thực sự hiệu quả, tạo đượcsự đồng thuận cao của người dân, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Cần coi việc đào tạo nghề gắn với xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó các cấp uỷ, chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quá trình thực hiện. Chú trọng đổi mới công tác lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền, phương pháp vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; trong đó phát huy vai trò tập thể, đề cao trách nhiệm của cá nhân trong quản lý, điều hành. Nhận thức đúng về vị trí và vai trò của công tác đào tạo nghề cho LĐNT là cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương, năng suất lao động và chất lượng lao động; góp phần vào việc nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa

Đào tạo nghề cho LĐNT phải sát với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và có hiệu quả thiết thực. Tránh trường hợp đào tạo nghề không theo sát nhu cầu như: Đang có nhu cầu về công nhân kỹ thuật công nghiệp lại tiến hành đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT hoặc ngược lại, các địa phương vùng núi thì cần tập trung vào đào tạo nghề nông nghiệp nhằm tăng năng suất cây trồng, tránh ưutiên đào tạo những ngành nghề phi nông nghiệp khi công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. Tình trạng đúng chuyên môn đào tạo nhưng chất lượng nguồn nhân lực thấp không đáp ứng đượcnhu cầu lao động của

doanh nghiệp. Nhiều lao động đã được đào tạo nghề nhưng khi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp lại không đáp ứng đủ tiêu chuẩn. Tổ chức tốt phương châm phát huy vai trò chủ động của cộng đồng dân cư, Nhà nước đóng vai trò hướng dẫn và hỗ trợ, các hoạt động đào tạo nghề do chính người dân ở thôn, xã dân chủ bàn bạc, quyết định.

Do tính đa dạng vùng miền và tính đặc thù của người nông dân và LĐNT, nên việc tổ chức các khóa đào tạo phải rất linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt… Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ của người học. Đào tạo nghề gắn với xây dựng nông thôn mới phải trên cơ sở lồng ghép các chương trình MTQG, chương trình hỗ trợ có mục tiêu; các chương trình, dự án đang triển khai ở nông thôn và huy động đóng góp công sức của nhân dân.

Đào tạo nghề ở nông thôn chú trọng việc phát triển các ngành nghề thủ công, nhất là việc thực hiện "mỗi làng, một nghề" đang được triển khai. Cụ thể như: chế biến gỗ, đồ thủ công mỹ nghệ; nghề thêu, nghề dệt, lụa, thổ cẩm, sản xuất các mặt hàng có tiếng của vùng… Đào tạo nghề gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương.

Để thực hiện thành công công tác đào tạo nghề gắn với xây dựng nông thôn mới, công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho người dân phải được thường xuyên coi trọng. Cùng với đó, cần phát huy vai trò tập thể, đề cao trách nhiệm của cá nhân trong quản lý, điều hành. Song song với việc truyền đạt kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần trang bị cho họ những kiến thức tiêu chuẩn an toàn sản phẩm, về thị trường, kiến thức kinh doanh trong điều kiện hội nhập. Ngoài ra, còn phải đào tạo về tác phong làm việc cho người lao động

Khi thực hiện, các xã phải sắp xếp, lựa chọn thực hiện các tiêu chí phù hợp với tình hình địa phương, chọn những những ngành nghề đào tạo đáp ứng nguyện vọng của người dân để thực hiện trước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi. Sau khi đào tạo nghề cho người nông dân thì chính quyền địa phương cũng cần phải giải quyết vấn đề đầu ra sản xuất bởi nếu không giải quyết được đầu ra của sản xuất thì hiệu quả đào tạo bằng không (ví dụ như: đào tạo cách làm nấm, nuôi thỏ, nuôi rắn… song sản xuất ra không tiêu thụ được nên những người được đào tạo lại bỏ nghề). Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho người dân.

Chú trọng duy trì và nhân rộng các ngành nghề phát triển tốt, có hiệu quả phù hợp với tình hình kinh tế chính trị của địa phương.

3.2.1. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức xã hội ở địa phương, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hàng năm tổ chức khảo sát, thu thập và cập nhật thông tin cung cầu lao động; nhu cầu về ĐTN của người lao động và nhu cầu sử dụng lao động qua ĐTN của các DN, cơ sở sản xuất, các làng nghề... nhằm tạo điều kiện giúp cho các cơ sở ĐTN nắm bắt thông tin để xây dựng kế hoạch đào tạo. Xây dựng cơ chế kết nối giữa doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các đơn vị ĐTN. Kế hoạch ĐTN phải dựa trên nhu cầu thực tế của người lao động hoặc theo đơn đặt hàng về lao động đã qua ĐTN theo từng ngành nghề cụ thể. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án ĐTN hàng quý, 6 tháng và năm. Trên cơ sở kiểm tra chỉ rõ mặt đạt được, những hạn chế và nguyên nhân từ đó đề ra giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại.

Cần có sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của các cấp Đảng bộ. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội như Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh… để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn cho đoàn viên, hội viên nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, từ đó tự nguyện tham gia học nghề, phát triển nghề; các tổ chức đoàn thể tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm cho đoàn viên, hội viên trước và sau khi học nghề.

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên tham gia học nghề, mỗi hội, ban, ngành, đoàn thể phải xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền học viên tham gia học nghề, lập nghiệp, phát triển kinh tế; chủ động kết hợp giữa các hoạt động của tổ chức hội với việc triển khai, tư vấn, tuyên truyền về nội dung, chế độ, chính sách của đào tạo nghề cho người lao động.

Mỗi tổ chức hội phải xây dựng mạng lưới đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ ban thường vụ, ban chấp hành nhiệt tình, tâm huyết với phong trào, hoạt động ổn định và được bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ để nắm chắc các chủ trương, chính sách về công tác ĐTN cho LĐNT, về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cách tư vấn lựa chọn nghề để học. Người cán bộ tuyên truyền, tư vấn ở cơ sở phải làm chuyển biến, thôi thúc đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề, coi đó là quyền lợi và nghĩa vụ; phải trả lời, giải đáp thắc mắc về các chế độ, chính sách khi tham gia học nghề. Mặt khác, cũng phải tư vấn cho người học nghề biết cách tổ chức sản xuất, kinh doanh, hướng dẫn, giúp đỡ họ trong việc vay vốn quỹ Quốc gia giải quyết việc làm; chia sẻ với họ về thành công và những khó khăn trên con đường lập nghiệp.

Trên cơ sở các thông tin tuyển sinh của các cơ sở ĐTN, các trường THPT và THCS tổ chức các giờ học tư vấn, định hướng cho học sinh cuối cấp

những ngành nghề cần học và có thể tìm việc làm phù hợp với lực học và khả năng tài chính của gia đình mỗi học sinh.

Đối với các cơ sở đào tạo cần có các trang thông tin trên Internet, ngoài ra duy trì và phát triển hình thức truyền thông khác như qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua thông tin nội bộ của các Ban Tuyên giáo huyện ủy, thành phố trong tỉnh Hòa Bình phục vụ cho sinh hoạt chi bộ hàng tháng về các nội dung: chỉ tiêu đào tạo, tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, các chế độ ưu đãi trong học tập… để mỗi đảng viên và mọi người dân có thể tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất.

3.2.2. Tăng cường sự gắn kết với các doanh nghiệp

Giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo là chủ trương, công việc quan trọng và là nhu cầu cần thiết, có nhiều ý nghĩa đối với công tác đào tạo nghề và sự phát triển KT-XH của tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua cũng như giai đoạn đến. Chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp sẽ là động lực để thúc đẩy người lao động tham gia học nghề tích cực hơn, giúp họ có sự yên tâm trong học tập, phát huy khả năng, có ý thức, trách nhiệm trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giải quyết việc làm sau đào tạo nghề cho LĐNT là một bước "kiểm tra" kết quả của quá trình đào tạo nghề cho LĐNT về tay nghề, chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề.

Đề nghị các doanh nghiệp cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch triển khai hợp tác với doanh nghiệp, đề nghị doanh nghiệp tham gia Hội đồng trường, Hội đồng quản trị (đối với cơ sở Tư thục); Cần sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, giáo trình; doanh nghiệp tham gia trong tổ chức đào tạo thực hành sản xuất.

Thực hiện chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo sẽ giúp cho các cơ sở đạo tạo nghề gắn kết chặt chẻ giữa "Nhà trường và doanh nghiệp", chuyển đổi cách đào tạo từ "Đào tạo theo những gì mình có" sang "Đào tạo theo những gì doanh nghiệp cần"; bên cạnh đó sẽ có sự cam kết, ràng buộc giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp tuyển dụng về việc tổ chức đào tạo, trình độ, tay nghề của lao động qua đào tạo; tiếp nhận người học nghề sau đào tạo; mức lương của lao động vào làm việc tại doanh nghiệp... Cơ chế, chính sách này sẽ có tác động tích cực cho xã hội, giảm đi đáng kể sự lãng phí trong đào tạo; hạn chế thấp nhất tình trạng người học ra trường không có việc làm, thất nghiệp nhiều như thời gian vừa qua.

Tập trung cập nhật biến động lao động để hỗ trợ chuyển dịch việc làm sang hướng phi nông nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh giới thiệu việc làm, phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư vào công nghiệp, thương mại dịch vụ, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ để tạo địa chỉ việc làm cho lao động nông thôn sau đào tạo. Bên cạnh đó, tỉnh cũng xác định nâng cao chất lượng đào tạo trình độ kỹ thuật cao để phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn.

Đẩy mạnh việc hợp tác 3 bên giữa Nhà nước – nhà trường – doanh nghiệp, liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tập trung thực hiện những giải pháp, các dự án đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN, dự án phát triển thị trường lao động và việc làm; đề án hỗ trợ HS-SV khởi nghiệp đến năm 2025 của Chính phủ; dự án hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, "khởi sự doanh nghiệp" qua Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác; nâng cao chất lượng, tăng số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3.2.3. Nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề

Hệ thống cơ sở dạy nghề này bao gồm các cơ sở dạy nghề công lập và ngoài công lập. Quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào quy hoạch phát triển KTXH và quy hoạch phát triển nhân lực của từng địa phương. Tất nhiên, trong quá trình phát triển, quy hoạch phát triển KTXH và quy hoạch phát triển nhân lực có thể được điều chỉnh và quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề cũng cần được điều chỉnh tương ứng.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề, cần xây dựng các chính sách về khuyến khích đầu tư, ưu đãi về giao đất đai, ưu đãi về thuế, vay vốn, hỗ trợ nâng cao năng lực, v.v... để các tổ chức và cá nhân tham gia vào sự nghiệp ĐTN. Trong phát triển ĐTN trên địa bàn của các huyện, thành phố các cơ sở công lập và ngoài công lập không chỉ cạnh tranh lành mạnh mà cần sự hợp tác, phối hợp để đảm bảo hiệu quả. Tạo điều kiện để Trung tâm dạy nghề ở các huyện, thành phố khai thác hết năng lực hiện có để tổ chức các lớp ĐTN cho LĐNT theo Đề án 1956, khuyến khích mở rộng các ngành nghề đào tạo theo nguyện vọng có thu kinh phí đào tạo để đầu tư tái sản xuất. Bên cạnh đó, hỗ trợ các đơn vị ĐTN khác có đủ điều kiện để tham gia ĐTN cho LĐNT tăng cơ hội cho người lao động được quyền lựa chọn cơ sở đào tạo chất lượng, ngành nghề phù hợp với điều kiện thực tế.

Hoàn thiện việc xây dựng, sữa chữa nâng cấp các cơ sởdạy nghề, Trung tâm dạy nghề trên toàn tỉnh và hoàn thành việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thiết bị, liên kết nhiều cơ sở đào tạo nghề có uy tín thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

Ngoài các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện xây dựng chính sách phát triển dạy nghề trong các làng nghề, dạy nghề và tạo cơ hội việc làm cho LĐNT; chính sách hỗ trợ cho giáo viên và người học nghề là người nghèo, bộ đội xuất ngũ, học sinh khuyết tật, người có hoàn cảnh khó

khăn... Việc xây dựng các chính sách này cũng giúp cho các cơ sở dạy nghề định hình được không gian phát triển, khả năng mở rộng hoạt động, đưa vào các hình thức dạy nghề linh hoạt, di động, tiết kiệm chi phí cho cơ sở và người học, nâng cao hiệu quả dạy nghề. Từ đó hệ thống dạy nghề của địa phương cũng có tiềm năng phát triển mạnh hơn, đáp ứng nhu cầu ĐTN của LĐNT.

Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề theo hướng kích thích các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề cho LĐNT, thu hút các cơ sở dạy nghề tư thục, sở giáo dục, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ tham gia vào hoạt động dạy nghề cho LĐNT.

Đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, dạy nghề cho LĐNT theo yêu cầu của thị trường lao động, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới;

Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn.

Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả sau đào tạo

3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của cơ sở dạy nghề có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng và hiệu quả của đào tạo nghề vì thế rất cần có chiến lược phát triển và nâng cao năng lực của đội ngũ này.

Xây dựng và định kỳ rà soát quy hoạch cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề để có kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực; bố trí cán bộ theo đúng tiêu

chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và phù hợp với năng lực, sở trường, phát huy khả năng làm việc và tiềm năng sáng tạo của cán bộ. Xây dựng định mức làm việc đối với giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý.

Cần có cơ chế, chính sách khuyến khích các học sinh có năng lực sau khi tốt nghiệp THPT đi vào học để sau này trở thành giáo viên dạy nghề; đối với sinh viên tốt nghiệp đại học loại khá giỏi có ngành nghề đào tạo phù hợp được ưu tiên xét tuyển thẳng vào Trung tâm dạy nghề của huyện. Đồng thời có chính sách ưu đãi đối với các sinh viên của tỉnh đang theo học tại các trường như:Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình,Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hòa Bình để thu hút bổ sung đủ lực lượng giáo viên dạy nghề.

Tạo môi trường làm việc năng động và tích cực, có chế độ khuyến khích về tiền lương thu nhập. Tranh thủ các chương trình đưa giáo viên đi đào tạo theo Chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề và việc làm, chính sách hỗ trợ tiếp tục học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên. Có chính sách giữ chân những giáo viên giỏi thông qua tạo môi trường giảng dạy thân thiện, tích cực.

Có kế hoạch hợp tác với các DN để bố trí giáo viên dạy nghề trải nghiệm thực tiễn sản xuất, sử dụng máy móc, công nghệ hiện đang phổ biến trong sản xuất, dịch vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy cho học viên; đảm bảo cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng mà thị trường lao động cần cũng như không bỡ ngỡ giữa công nghệ, thiết bị đang giảng dạy với công nghệ, thiết bị đang phổ biến trong thực tế sản xuất.

Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư, nông dân sản xuất giỏi tham

gia dạy nghề cho người lao động. Có cơ chế thu hút những người có trình độ chuyên môn cao về giảng kiêm chức tại các đơn vị ĐTN.

Tổ chức hội giảng giáo viên dạy nghề trong phạm vi các đơn vị dạy nghề, trong huyện và tham gia hội giảng cấp tỉnh nhằm khuyến khích và vinh danh giáo viên dạy nghề nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trao đổi kinh nghiệm, phát hiện các phương pháp dạy hay, đồ dùng, thiết bị dạy học có hiệu quả để phổ biến nhân rộng. Đồng thời, đây cũng là dịp để đánh giá năng lực thực tế của đội ngũ giáo viên dạy nghề trong các cơ sở đào tạo. Từ đó giúp cơ quan quản lý có chính sách hợp lý để bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề, góp phần đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất hiện nay.

3.2.5. Đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp cho lao động nông thôn

Đối với việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân, đặc biệt là nhân dân ở vùng nông thôn và nhận thức của xã hội.

Tỉnh Hòa Bình có số dân sinh sống ở vùng nông thôn rất đông (chiếm trên 80%), nhu cầu lao động học nghề tương đối lớn, nhưng chính sách đào tạo nghề đến được với người dân còn gặp nhiều khó khăn; phần đông người dân chưa thấy được tầm quan trọng của học nghề, vì bao đời nay không học nghề họ vẫn sản xuất, chăn nuôi bình thường; tuy nhiên thực tế thì lâu nay họ chỉ sản xuất theo kinh nghiệm, năng suất lao động trong NN rất thấp, đời sống nông dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo chiếm tỷ lệ cao trong nông dân...

Để cho người lao động ở nông thôn yên tâm học tập, sau khi học xong phải làm được việc và làm đúng nghề thì đòi hỏi phải làm tốt công tác tư vấn cho họ khi chọn nghề để học, sau đó là chính sách hỗ trợ cho người lao động trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, tìm việc làm mới sau đào tạo. Vì vậy, giải pháp cần thiết là làm tốt công tác quảng bá, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của địa phương về đào tạo nghề cho LĐNT. Cần tập trung công tác vận

động, tuyên truyền ở vùng có nhiều LĐNT, đưa nội dung tuyên truyền lồng ghép với các nội dung chuyên môn trong những buổi sinh hoạt, họp thôn, tổ, xóm... mới đạt được hiệu quả cao, nhằm làm cho người dân thay đổi nhận thức và hành vi của mình về học nghề và thấy được sự cần thiết của học nghề; xem học nghề như một nhu cầu cần thiết thật sự để lập thân, lập nghiệp, giúp họ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Bên cạnh đó, phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể, các tổ chức hội trong quần chúng nhân dân, như Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... trong việc tuyên truyền, tư vấn học nghề, vận động đoàn viên, hội viên tham gia học nghề. Mỗi đoàn thể, tổ chức cần xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn học nghề, cách làm thống nhất từ cấp tỉnh, huyện, xuống đến xã, phường có LĐNT; khích lệ hội viên, đoàn viên tham gia học nghề hiệu quả.

Nhằm định hướng cho công tác đào tạo cũng như lựa chọn ngành nghề của học sinh, sinh viên, thanh niên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động, tích cực thực hiện nhiều giải pháp như: hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, thu thập, cập nhật, phổ biến thông tin thị trường lao động; tổ chức điều tra nhu cầu sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp; thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu cung – cầu lao động hàng năm; chỉ đạo hệ thống các Trung tâm dịch vụ việc làm thành lập bộ phận phân tích, dự báo thị trường lao động; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) định kỳ hàng quý công bố Bản tin cập nhật Thị trường lao động; tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội, thanh niên về học nghề, lập nghiệp qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm truyền thông, các trang mạng, xây dựng ứng dụng Chọn nghề - Chọn trường trên thiết bị di động …

Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ toàn cầu hóa – tự do hóa, liên kết, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra mạnh mẽ mở ra nhiều cơ hội và thách thức trong giải quyết việc làm bền vững cho thanh niên. Theo Tổ chức lao động quốc tế ILO,

quá trình chuyển tiếp của thanh niên từ học tập sang tham gia thị trường lao động không chỉ dừng lại ở việc đo lường thời gian từ khi rời ghế nhà trường (bao gồm cả tốt nghiệp và bỏ học giữa chừng) cho đến khi làm công việc đầu tiên, mà còn bao gồm các yếu tố định tính như chất lượng công việc đó như thế nào, có ổn định hay không...

Chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm về công tác tư vấn giới thiệu việc làm; sáng kiến, ý tưởng kiến tạo khởi nghiệp, mô hình khởi nghiệp hay. Đồng thời, nêu lên những đề xuất, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc trong quá trình khởi nghiệp thanh niên, sinh viên để từ đó, đưa ra những giải pháp hỗ trợ thanh niên lập nghiệp cũng như có được sự định hướng, chuẩn bị cần thiết về nghề nghiệp trong tương lai.

Tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho HS-SV và người lao động thông qua Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; nâng tần suất, phạm vi các hoạt động của sàn giao dịch việc làm ở các huyện, thị; xây dựng cơ sở dữ liệu ”việc tìm người - người tìm việc”, ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nông thôn

Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, cập nhật và phổ biến thông tin thị trường lao động, gắn việc thực hiện chính sách đào tạo nghề nghiệp với chính sách giải quyết việc làm sau đào tạo.

Thường xuyên tổ chức các hội nghị tư vấn, ngày hội việc làm, sàn giao dịch giới thiệu việc làm tại các xã, phường để người dân nâng cao nhận thức, nắm bắt thông tin, tiếp cận được các chính sách của nhà nước.

3.3. Khuyến nghị

Đề nghị TW quan tâm, ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho những tỉnh miền núi gặp nhiều khó khăn như tỉnh Hòa Bình để đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết

bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo hiện nay

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ: Giai đoạn 2021 - 2025 chuyển giao nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới sang Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực để phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, thuận tiện trong việc lập kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo điều hành công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu giải quyết việc làm hiệu quả và giảm nghèo bền vững.

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo đáp ứng yêu cầu học nghề của người lao động. Có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn.

Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho đội ngũ giáo viên của tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia dạy nghề; thường xuyên mở các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác quản lý dạy nghề ở cấp huyện, xã, thị trấn.

Bổ sung nguồn Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người tham gia học nghề được vay vốn phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng kinh phí từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ cho 05 Trung tâm có tên trong Quyết định số 683/QĐ-LĐTBXH ngày 05/6/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt danh sách các cơ sở được hỗ trợ đầu tư theo chính sách quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, bao gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kỳ Sơn, Kim Bôi, Lương Sơn, Lạc Thủy và Mai Châu.

KẾT LUẬN

Trong xu thế phát triển chung của thế giới cũng như của nước ta hiện nay, cùng với những thành tựu to lớn của khoa học, công nghệ, của đổi mới, sáng tạo thì lao động chân tay cũng dần được thay thế bằng lao động máy móc; con người từng bước nắm bắt, làm chủ công nghệ, thiết bị; cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang có những tác động lan tỏa đến các đang phát triển, trong đó có Việt Nam cùng với sự thay thế lao động giản đơn bằng các máy móc tự động... Công tác đào tạo, trong đó có đào tạo nghề để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có tay nghề ở nước ta nói chung và tỉnh Hòa Bình nói riêng cần có cách tiếp cận mới, trong đó việc chủ động đón nhận những tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Một LLLĐ có trình độ, tay nghề cao mới có thể làm chủ được nền công nghiệp số, kết nối thế giới thực - ảo, tự động hóa và dựa trên trí tuệ nhân tạo...

Trên cơ sở chính sách của Đề án 1956; HĐND, UBND tỉnh Hòa Bình cũng đã ban hành một số nghị quyết, quyết định về cơ chế, chính sách đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh. Việc thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương cũng như của địa phương trong thời gian qua đã tạo ra đội ngũ lao động qua đào tạo rất để cung cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được thì qua thời gian thực hiện, cơ chế, chính sách đào tạo nghề, đào tạo nghề cho LĐNT cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế để phù hợp hơn trong tình hình mới.

Đề tài luận văn "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình" nhằm khái quát cơ sở lý luận chung về chính sách đào tạo nghề cho LĐNT; trên cơ sở thực trạng việc thực hiện chính sách này tại tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua để phân tích, đánh giá, nêu lên được những kết quả, những thành công cũng như như tồn tại, hạn chế của chính sách, để từ đó tiếp

tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Luận văn kết hợp phân tích có minh họa bằng số liệu cụ thể hiện trạng về LĐNT và chính sách dạy nghề cho LĐNT tại tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2019, bên cạnh những kết quả đạt được, luận văn cũng phân tích, nêu lên được những tồn tại, hạn chế của chính sách và nguyên nhân của những tồn tại, bất cập trong thực hiện chính sách đào tạo nghề cho LĐNT tại tỉnh Hòa Bình

Luận văn đã đề xuất, hệ thống một số quan điểm, định hướng nhằm huy động các nguồn lực cho đào tạo nghề; quan điểm hoàn thiện chính sách; quan điểm gắn đào tạo nghề và giải quyết việc làm...; bên cạnh là các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục thực hiện và hoàn thiện chính sách đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Trên cơ sở đó, học viên đã đề xuất, hệ thống một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo nghề cho LĐNT tại tỉnh Hòa Bình trong những năm tới ./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (2010), *Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020*

2. BộGiáo dục và Đào tạo (2000), *Tài liệu hướng nghiệp THPT*, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2000

3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội(2007), *Quyết định số 13/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 14 tháng 05 năm 2007, Quyết định ban hành Quy chế mẫu của Trung tâm dạy nghề.*

4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội(2010), *Thông tư 31/2010/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp.*

5. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội(2011), *Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011-2020.*

6. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011),*Quyết định số 1582 của Bộ LĐ-TBXH ngày 02 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành một số chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo QĐ 1956/QĐ-TTG ngày 27/11/2009* của Thủ tướng Chính phủ.

7. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội(2012), *Vai trò của đào tạo nghề với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*, http://www.molisa.gov.vn, ngày 13/02/2012.

8. Các Mác,*Bộ "Tư bản" (Quyển 1)*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.

9. PGS.TS Trần Xuân Cầu (2012), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

10.Chính Phủ (2015), *Nghị định 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp.*

11. Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình (2018), *Niêm giám thống kê 2018 tỉnh Hòa Bình*

12.TS. Lê Thanh Hà (2007), *Giáo trình quản trị nhân lực tập 2*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội

13. Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình (2019), *Nghị quyết số 211/NQ-HĐND về giám sát thực hiện đề án "đào tạo nghề cho lao động nông thôn" trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và QĐ số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2020*

14. Hoàng Văn Phai (2011), "*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nước ta hiện nay: Vấn đề cần quan tâm*", Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 3/2011.

15. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*

16. Quốc hội (2014), *Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13*

17. Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Hòa Bình (2019), *Báo cáosố 170/BC-LĐTBXH, Báo cáotổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới*.

18. Thủ Tướng Chính Phủ (2009), *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009, Quyết định phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"*.

19. Thủ Tướng Chính phủ (2013), *Quyết định 43/2013/QĐ-TTg Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*.

20. Nguyễn Tiệp (2011), *Giáo trình Nguồn nhân lực*, NXB Lao động xã hội.

21. Tỉnh ủy Hòa Bình (2017), *Báo cáo số 324 - BC/TU, báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư khóa XI về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.*

22. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (2016), *Quyết định số 1454/QĐ-UBND quy định về việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình.*

23. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (2020), *Kế hoạch số 103/KH-UBND về việc tổng kết Đề án 1956 tỉnh Hòa Bình.*

24. Viện ngôn ngữ học (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.

Phụ lục số 01:

BẢNG HỎI DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, HỌC VIÊN HỌC NGHỀ

Về đào tạo nghề cho người lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Thưa anh/chị!

Nhằm đánh giá vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hòa Bình, tôi – học viên chuyên ngành Quản trị nhân lực trường Đại học Lao động – Xã hội đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, gửi đến anh/chị để tiến hành khảo sát lấy ý kiến của anh/chị về vấn đề "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hòa Bình". Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống. Mọi thông tin được cung cấp chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Mỗi ý kiến của anh/chị là một đóng góp quan trọng giúp vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp của anh/chị!

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới tính Nam

Nữ

Năm sinh:

Họ và tên (có thể ghi hoặc không) :.....

Nghề nghiệp hiện tại (nếu có):.....

Tên cơ sở đào tạo nghề anh/chị học (nếu có):

.....

.....

II. THÔNG TIN CỤ THỂ

Câu 1. Từ năm 2010 đến nay anh/chị có tham gia học tại lớp đào tạo nghề tại địa phương không?

☐Có (chuyển sang câu số 5)

☐Không (chuyển sang câu số 2)

Câu 2. Anh/chị có nhu cầu tham gia học nghề tại địa phương không?

☐Có (chuyển câu hỏi số 3)

☐Không (chuyển câu hỏi số 4)

Câu 3. Anh/chị muốn học ngành, nghề gì?

☐Nông nghiệp

☐Tiểu thủ công nghiệp

☐Công nghiệp

☐Thương mại, dịch vụ

☐Khác: ....

Câu 4. Lý do anh chị không muốn tham gia học nghề ?

☐Đào tạo chưa gắn với giải quyết việc làm

☐ Do tâm lý muốn học một chương trình cao hơn

☐Do điều kiện kinh phí do chất lượng đào tạo nghề không đảm bảo

☐Do không biết thông tin

☐Lý do khác: ....

Câu 5. Ngành nghề đào tạo nào anh/chị đã tham gia

☐Nông nghiệp

☐Công nghiệp

☐Tiểu thủ công nghiệp

☐Thương mại, dịch vụ

☐Khác: ....

Câu 6: Anh/ chị biết thông tin về chương trình đào tạo nghề cho người lao động qua kênh thông tin nào?

☐Qua các tờ rơi

☐Qua mạng internet

☐Qua thông tin tuyên truyền của địa phương

☐Kênh thông tin khác

Câu 7. Mục đích tham gia vào khóa đào tạo nghềcủa anh/chị

☐Nâng cao kiến thức để phục vụ cho công việc hiện tại

☐Có cơ hội tìm được việc làm tốt hơn

☐Có chứng chỉ nghề để mở rộng sản xuất, kinh doanh

☐Khác: …… .....

Câu 8. Anh/chị tham gia vào khóa đào tạo nghề nào?

☐Ngắn hạn Thời gian:……tháng

☐Trung hạn Thời gian:……tháng

☐Dài hạn Thời gian:……tháng

☐Khác Thời gian:……tháng

Câu 9. Xin anh/chị cho biết khi tham gia vào các lớp đào tạo nghề, anh/chị có phải trả chi phí không?

☐Có (Xin ghi cụ thể kinh phí): (1.000VNĐ)……

☐Không

Câu 10. Anh/chị được học nghề theo phương pháp nào?

☐Chỉ được học lý thuyết trên lớp

☐Học xong lý thuyết trên lớp, giảng viên hướng dẫn thực hành

☐Giảng viên vừa hướng dẫn lý thuyết vừa kết hợp thực hành

☐Khác…….....

Câu 11. Theo anh/chị, các khóa đào tạo nghề do địa phương tổ chức đã đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của anh/chị chưa?

☐Đáp ứng ☐Trung bình ☐Chưa đáp ứng

Câu 12. Việc tiếp thu các kiến thức nghề học tập của anh/chị như thế nào?

☐Tốt ☐Trung bình ☐Chưa tốt

Câu 13. Hình thức và nội dung chương trình đào tạo nghề tại địa phương được anh (chị) đánh giá như thế nào?

☐Đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động

☐Phù hợp với nhu cầu và xu thế phát triển

☐Chưa phù hợp cần phải bổ sung

Câu 14. Xin anh/chị cho biết cơ sở vật chất phục vụ các lớp đào tạo nghề như thế nào?

☐Tốt ☐Khá ☐Trung bình ☐Kém

Câu 15. Xin anh/chị cho biết, đội ngũ giáo viên của các khóa học như thế nào?

a) Thái độ giảng dạy

☐Nhiệt tình, trách nhiệm ☐Chưa nhiệt tình

b) Trình độ chuyên môn:

☐Tốt ☐Trung bình ☐Thấp

c) Khả năng truyền đạt

☐Khó hiểu ☐Trung bình☐ Dễ hiểu

Câu 16. Anh/chị có được cung cấp thông tin hỗ trợ cho việc tìm việc làm từ các cấp chính quyền sau khi tham gia vào các lớp đào tạo nghề không?

☐Có (chuyển câu hỏi số 17)

☐Không (chuyển câu hỏi số 18)

Câu 17. Các cấp chính quyền đã hỗ trợ anh/chị tìm việc làm như thế nào?

TT	Nội dung	Có	Không
1	Cung cấp thông tin về doanh nghiệp cần tuyển lao động		
2	Cung cấp địa chỉ để được tư vấn, giới thiệu việc làm		
3	Trực tiếp tư vấn giới thiệu việc làm		
4	Cung cấp các thông tin khác:		

Câu 18. Anh/chị làm thế nào để tìm việc làm sau khi kết thúc khóa đào tạo?

☐Tự tìm hiểu trên các phương tiện thông tin

☐Thông qua Trung tâm giới thiệu việc làm

☐Bạn bè, người thân giới thiệu

☐Khác:……

Câu 19. Anh/chị có ý kiến đề xuất gì về các khóa đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn của địa phương?

a. Đối với cơ sở đào tạo nghề:

☐Giảng viên giỏi, có kinh nghiệm thực tiễn

☐Giảng lý thuyết gắn với thực hành tại chỗ

☐Đào tạo nghề theo nhu cầu của người học

☐Có cơ sở vật chất tốt phục vụ đào tạo nghề

Khác:……

b. Đối với với chính quyền các cấp:

☐Có cơ chế hỗ trợ công tác dạy và học nghề

☐Tạo điều kiện giới thiệu việc làm sau đào tạo nghề

☐Xây dựng hệ thống dịch vụ tư vấn cho người có nhu cầu học nghề

☐Tăng cường truyền thông về công tác đào tạo nghề

☐Khác:……

c) Một số đề xuất khác…….

……..

Câu 20: Đánh giá của anh/chị về đội ngũ giáo viên tham gia dạy nghề, về nội dung đào tạo, về nguồn tài liệu và cơ sở vật chất dạy và học

(A. Rất không hài lòng; B. Không hài lòng; C. Bình thường; D. Hài lòng; E. Hoàn toàn hài lòng)

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
	A	**B**	**C**	**D**	**E**
Về giáo viên					
1. Giáo viên làm việc nghiêm túc, tận tình hướng dẫn học viên					
2. Giáo viên có chuyên môn sâu và kiến thức rộng, tạo hứng thú cho học viên trong giờ học					
Về nguồn tài liệu học tập và cơ sở vật chất					
1. Tài liệu học tập phong phú, phù hợp với trình độ của học viên					
2. Thiết bị dạy học và thực hành, cơ sở vật chất được cải tiến và bảo dưỡng thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu học tập cho học viên					

Câu 21: Đánh giá của anh/chị về việc áp dụng các nội dung, chương trình đã được đào tạo vào công việc hiện tại của mình như thế nào?

☐Sử dụng trên 75% kiến thức đã học

☐Sử dụng từ 50% - 75% kiến thức đã học

☐Sử dụng từ 25% - 50% kiến thức đã học

☐Sử dụng dưới 25% kiến thức đã học

Câu 22: Nhận định của anh/chị về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau khi kết thúc lớp đào tạo nghề

(A. Tốt; B. Khá; C. Trung bình; D. Thấp; E. Rất thấp)

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
	A	**B**	**C**	**D**	**E**
1. Kiến thức chuyên môn					
2. Nâng cao kỹ năng thực hành					
3. Khả năng phối hợp làm việc nhóm					
4. Khả năng tiếp cận công nghệ, máy móc mới					
5. Khả năng giải quyết các tình huống					

Câu 23: Theo anh/chị, đào tạo nghề cho người lao động cần tập trung vào nội dung nào?

☐Bổ sung kiến thức cho người lao động

☐Tăng cường khả năng thực hành

☐Kết hợp cả bổ sung lý thuyết và khả năng thực hành

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN ANH/CHỊ

ĐÃ THAM GIA CUỘC PHỎNG VẤN NÀY!

Phụ lục số 02

BẢNG HỎI DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ

Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Thưa anh/chị!

Nhằm đánh giá vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, tôi – sinh viên chuyên ngành Quản trị nhân lực trường Đại học Lao động – Xã hội đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, gửi đến anh/chị để tiến hành khảo sát lấy ý kiến của anh/chị về vấn đề "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình". Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống . Mỗi ý kiến của anh/chị là một đóng góp quan trọng giúp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng trên địa bàn của tỉnh được hoàn thiện hơn. Mọi thông tin được cung cấp chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp của anh/chị!

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:..... .

2. Địa chỉ: .....

3. Chức vụ: .....

II. THÔNG TIN CỤ THỂ

Câu 1:. Anh/chị có biết đến chương trình đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Hòa Bình?

☐Có (Trả lời tiếp câu 2)

☐Không (Trả lời tiếp câu 6)

Câu 2: Anh/ chị biết thông tin đó qua kênh thông tin nào?

☐Qua tờ rơi

☐Qua mạng internet

☐Qua thông tin tuyên truyền của địa phương

☐Kênh thông tin khác

Câu 3. Anh/chị tham gia vào khóa đào tạo nghề nào?

☐Ngắn hạn Thời gian:……tháng

☐Trung hạn Thời gian:……tháng

☐Dài hạn Thời gian:……tháng

☐Khác Thời gian:……tháng

Câu 4: Đánh giá của anh/chị về việc người lao động đã áp dụng các nội dung, chương trình được đào tạo vào công việc hiện tại của họ như thế nào?

☐Sử dụng trên 75% kiến thức đã học

☐Sử dụng từ 50% - 75% kiến thức đã học

☐Sử dụng từ 25% - 50% kiến thức đã học

☐Sử dụng dưới 25% kiến thức đã học

Câu 5: Ở cơ quan của anh/chị có sử dụng lao động nào đã qua các chương trình đào tạo cho lao động nông thôn của địa phương không?

☐Đang sử dụng (Trả lời tiếp câu 5)

☐Đã từng sử dụng (Trả lời tiếp câu 5)

☐Không (Trả lời tiếp câu 6)

Câu 6: Nhận xét của anh/chị về các kỹ năng của người lao động có được sau khi tham gia các khóa đào tạo nghề của địa phương (A. Tốt; B. Khá; C. Trung bình; D. Thấp; E. Rất thấp)

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đánh giá**				
	A	**B**	**C**	**D**	**E**
1. Kiến thức chuyên môn					
2. Nâng cao kỹ năng thực hành					

3. Khả năng phối hợp làm việc nhóm					
4. Khả năng tiếp cận công nghệ, máy móc mới					
5. Khả năng giải quyết các tình huống					

Câu 7: Trong thời gian tới, theo anh/chị đào tạo nghề cho người lao động cần tập trung vào nội dung nào?

☐Bổ sung kiến thức về nghề đó cho người lao động

☐Tăng cường khả năng thực hành

☐Kết hợp cả bổ sung lý thuyết và khả năng thực hành

Câu 8. Theo anh/chị, các khóa đào tạo nghề tổ chức ở địa phương đã đủ đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng học viên học nghề chưa?

☐Đáp ứng ☐Trung bình ☐Chưa đáp ứng

Câu 12. Việc tiếp thu các kiến thức học tập, đào tạo nghề của học viên như thế nào?

☐Tốt ☐Trung bình ☐Chưa tốt

Câu 13. Theo anh/chị cơ sở vật chất của các Trung tâm dạy nghề hiện nay có đáp ứng được với yêu cầu đào tạo nghề chưa?

☐ Đáp ứng ☐ Trung bình ☐ Chưa đáp ứng

Câu 14.Theo anh/chị việc tạo điều kiện cho các học viên học nghề được thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động có cần thiết hay không?

☐Cần thiết ☐Bình thường☐ Không cần thiết

Câu 15. Đánh giá của anh/chị về việc kết hợp giữa đào tạo nghề và nâng cao tay nghề cho người lao động?

☐ Cần thiết ☐ Bình thường ☐ Không cần thiết

Câu 16. Theo anh/chị có cần phát triển đào tạo đa dạng nghề, nhiều bậc học hay chỉ cần tập trung vào một nhóm nghề hoặc bậc học cụ thể?

☐ Đa dạng nghề đào tạo, nhiều bậc học

☐ Tập trung nhóm nghề thế mạnh, bậc học cụ thể

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN ANH/CHỊ ĐÃ

THAM GIA CUỘC PHỎNG VẤN NÀY!